CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
# NĂM 2024

Người ký: NGUYỄN VĂN LONG
Thời gian ký: 26.03.2025 20:09:47 +07:00

EVNPECC3

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2025*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

# MỤC LỤC

I. Thông tin chung ..... 3
1. Thông tin khái quát ..... 3
2. Quá trình hình thành và phát triển ..... 3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh ..... 4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý ..... 7
5. Định hướng phát triển ..... 10
6. Các rủi ro ..... 11
II. Tình hình hoạt động trong năm ..... 11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 11
2. Tổ chức và nhân sự ..... 13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án ..... 16
4. Tình hình tài chính ..... 17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu ..... 18
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội ..... 19
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc ..... 22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 22
2. Tình hình tài chính ..... 23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý ..... 25
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai ..... 28
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ..... 32
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội ..... 33
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty ..... 33
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty ..... 33
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc ..... 34
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị ..... 34
V. Quản trị Công ty ..... 34
1. Hội đồng quản trị ..... 34
2. Ban kiểm soát ..... 45
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát ..... 47
VI. Báo cáo tài chính ..... 48
1. Ý kiến kiểm toán ..... 48
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán ..... 48
Phụ lục. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ

# I. Thông tin chung

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 18/01/2024.
- Vốn điều lệ: 95.173.030.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 95.173.030.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22211169
- Số fax: 028.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975). Do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có Quyết định số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện, thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 07/5/1986 Bộ Điện Lực có Quyết định số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo Quyết định số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã có Quyết định số: 17/1999/QĐ-BCN cho chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số: 335/QĐ-BCN phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

- Trải qua 46 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Ghi nhận những đóng góp trong sự nghiệp phát triển điện lực, Công ty đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì, 03 Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

## 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

+ Lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và quy hoạch phát triển các dự án nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân) và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt);
+ Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu, các dự án: Nhà máy điện, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp (dự án lưới điện);
+ Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn;
+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình: Dân dụng, nhà công nghiệp, công nghiệp năng lượng, nhà máy điện, lưới điện, giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải). Thiết kế, thẩm tra hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống công nghệ thông tin công trình dân dụng và công nghiệp. Lập tổng dự toán các công trình: Dân dụng, công nghiệp (năng lượng), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông (đường bộ);
+ Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;
+ Tư vấn lập đề án, dự án: Điều tra, đánh giá môi trường, xã hội lâm nghiệp; Điều tra rừng, kiểm kê rừng, quy hoạch rừng, quản lý, phát triển rừng bền vững và đa dạng sinh học *(Trừ dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bẫy động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp)*;
+ Tư vấn lập hồ sơ chuyển mục đích rừng sang mục đích khác và thực hiện các dịch vụ KH&CN khác liên quan đến hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
+ Tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở;
+ Thẩm tra dự án đầu tư các dự án xây dựng, thẩm định hồ sơ mời thầu các dự án xây dựng nhà máy điện, dự án lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp;

+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp (nhà máy điện, dự án lưới điện), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
+ Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình (phần điện công trình công nghiệp);
+ Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
+ Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp;
+ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
+ Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác;
+ Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy điện, các công trình lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
+ Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp *(Trừ giám định tư pháp)*;
+ Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas;
+ Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp;
- Sản xuất điện (Chi tiết: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời);
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời *(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện *(Trừ xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng *(Trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)*;
- Phá dỡ *(Trừ dịch vụ nổ mìn)*;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất *(Trừ dịch vụ nổ mìn)*;

- Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác). Thi công và lắp đặt thiết bị vào công trình. Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Bán buôn phần mềm *(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)*;
- Bán buôn vật tư thiết bị ngành điện. Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy *(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)*;
- Xuất bản phần mềm;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan *(Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)*;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *(Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)*;
- Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng. Kiểm toán năng lượng. Kiểm định thiết bị nhà máy điện;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân

dụng và công nghiệp. Thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước. Tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước và tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng;

- Hoạt động tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, năng lượng, công nghệ thông tin, quản lý dự án, quản trị doanh nghiệp.

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Campuchia…

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**4.1. Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

**4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:** Xem sơ đồ tổ chức.

- Khối các đơn vị sản xuất gồm: phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, Trung tâm Nhiệt điện & Năng lượng mới, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, phòng Tư vấn dự án, Ban EPC.
- Khối các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ sản xuất gồm: phòng Kế hoạch kinh doanh, phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức & nhân sự, Văn phòng, phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu phát triển, phòng Công nghệ thông tin, phòng Pháp chế.

02 Chi nhánh trực thuộc Công ty gồm:

- Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện

+ Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

- Chi nhánh miền Trung

+ Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng

công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

**4.3. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

## Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

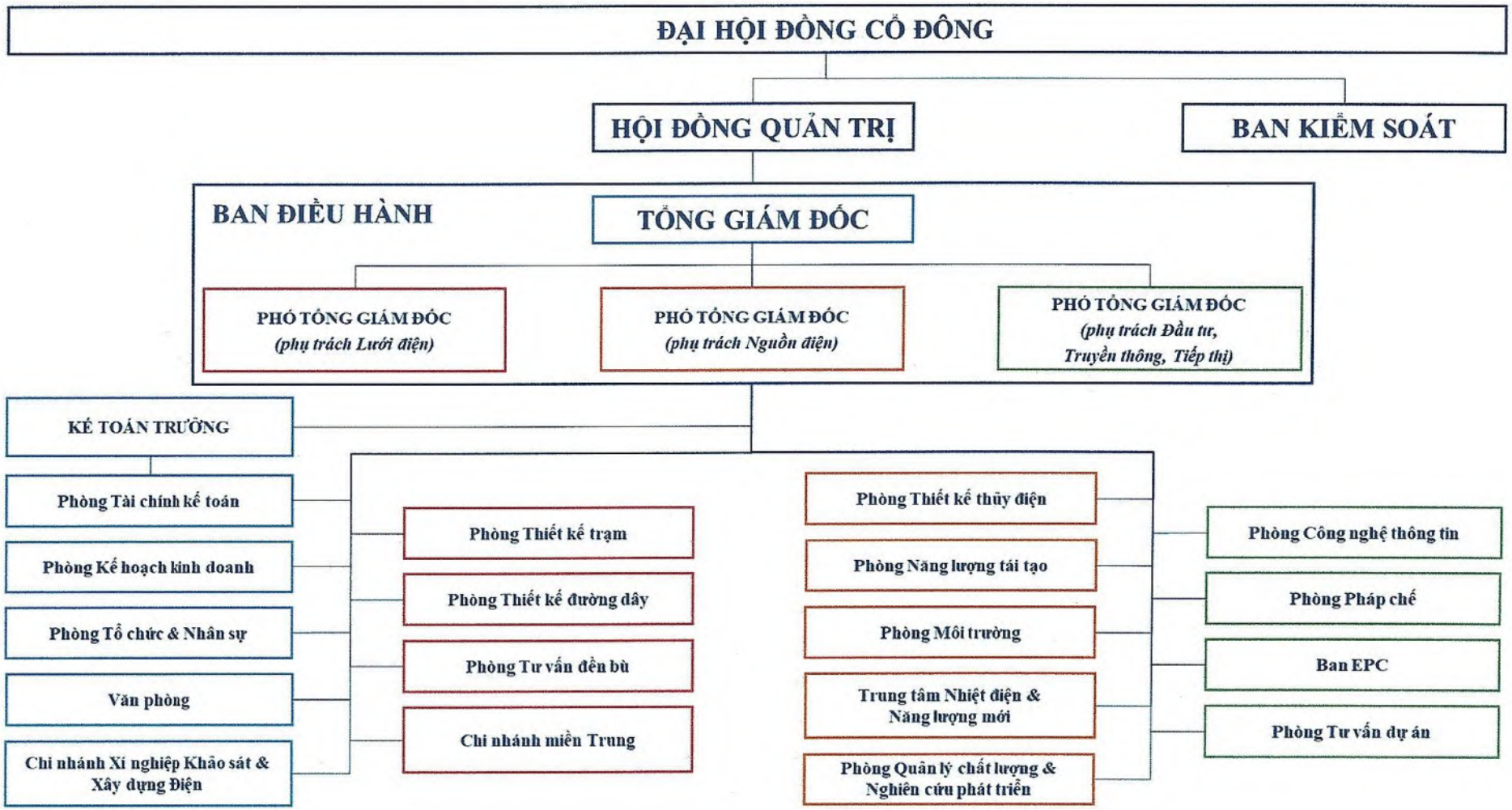

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.
- Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Giá trị cốt lõi:

+ Chính trực - Tin cậy;
+ Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hiệu quả;
+ Học hỏi - Phát triển;
+ Đoàn kết - Hợp tác - Thân thiện.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì khách hàng hiện có, phát triển khách hàng tư nhân.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng thương hiệu uy tín.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn.

### 5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Giữ vững và tăng trưởng doanh thu: giữ vững doanh thu khách hàng hiện có, đồng thời tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân.
- Quản lý hiệu quả chi phí, nâng cao năng suất lao động: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao.
- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu EVN*PECC3* đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp EVN*PECC3* phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.

- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực trực tiếp cung cấp dịch vụ nhằm gia tăng giá trị và trải nghiệm cho khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi của Công ty: sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

### 6. Các rủi ro

- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, chính sách đất đai và giá đền bù thấp. Tuyến đường dây đi qua nhiều địa phương, mỗi địa phương lại áp dụng áp giá đền bù khác nhau,... dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.

- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thỏa thuận thực hiện dự án dẫn đến bị phạt hợp đồng do chậm trễ tiến độ.

- Khách hàng ngày càng đòi hỏi nâng cao chất lượng tư vấn nên đưa vào điều khoản hợp đồng ràng buộc trách nhiệm tư vấn ngày càng khắt khe, các điều khoản phạt, bồi thường rất cao nên rủi ro phải bồi thường thiệt hại càng lớn.

- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.

- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh. Phát triển điện mặt trời bị chững lại do quy hoạch thiếu đồng bộ giữa nguồn và lưới.

- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.

- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm

- Kế hoạch doanh thu: **170 tỷ đồng;**

  Doanh thu thực hiện: **197,2 tỷ đồng**, đạt 116,0% kế hoạch năm.

- Kế hoạch giá trị HĐ ký mới: **300 tỷ đồng** (trước thuế);

  Giá trị HĐ ký mới thực hiện: **282,1 tỷ đồng**, đạt 94,0% kế hoạch năm.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

  Đầu tư xây dựng: thực hiện **1,25 tỷ đồng**, đạt 41,6% kế hoạch năm;

  Mua sắm tài sản: thực hiện **0,76 tỷ đồng**, đạt 15,3% kế hoạch năm.

- Kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận: **13 tỷ đồng** (trước thuế);

  Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện: **13,03 tỷ đồng** (trước thuế), đạt 100,24% kế hoạch.

### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm

- Năm 2024, tình hình hoạt động SXKD của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Công ty đã tích cực rà soát, điều chỉnh các hoạt động SXKD nhằm đẩy mạnh năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn đảm bảo mục tiêu hoàn thành kế hoạch đã đặt ra, với một số thuận lợi, khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

+ Lãnh đạo ngành điện đã quan tâm và xúc tiến làm việc với các địa phương để đẩy nhanh công tác thỏa thuận chủ trương đầu tư (CTĐT). Một số dự án trong phạm vi 1 tỉnh đã thông qua được CTĐT như ĐD 220kV Nhơn Trạch 3 - Thủ Đức, TBA 500kV Tây Ninh 1, TBA 220kV Sầm Sơn và ĐD 220kV Sầm Sơn - Thanh Hóa, TBA 220kV Tam Hiệp và đấu nối, TBA 220kV Cái Bè và đấu nối, TBA 220kV Hòa Bình và đấu nối, ĐD 220kV mạch kép đấu nối TBA 220kV Bạc Liêu, ĐD 220kV TBA 500kV Tây Ninh 1 - Phước Đông, TBA 220kV Bình Mỹ và đấu nối.

*** Khó khăn:**

+ Về thủ tục xin CTĐT cho dự án nói chung vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt các công trình phải trình lên Thủ tướng. Mặt dù đã bố trí nhân sự đeo bám thường xuyên, tuy nhiên cũng mới có 1/7 dự án có được thỏa thuận (ĐD 220kV Long Thành - KCN Cao: đây là dự án đầu tiên sau các dự án ĐD 500kV mạch 3 được Thủ tướng chấp thuận), tiến độ vẫn chưa đạt như mong muốn.

+ Các điều chỉnh về Luật điện lực giúp tháo gỡ nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận CTĐT, tuy nhiên lại khá trễ (30/11/2024) nên chỉ có một số CTĐT được thông qua vào cuối năm 2024.

+ Các dự án của tư nhân vẫn còn vướng nhiều về chủ trương, vốn… nên hầu hết chưa có dự án mới như NM điện gió TGS Duyên Hải, NM mặt trời TGS Duyên Hải.

+ Khó khăn từ thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng phức tạp ảnh hưởng đến kéo dài hoàn thành dự án, tốn kém nguồn nhân lực trong công tác giám sát tác giả, dẫn đến việc quyết toán dự án kéo dài.

Tuy có nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, tập thể lãnh đạo và người lao động của Công ty đã rất cố gắng, nỗ lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và tìm kiếm các hợp đồng mới mang doanh thu cho Công ty và Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 do ĐHĐCĐ đề ra.

- Đầu tư xây dựng (ĐTXD) và mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị:
  + Thực hiện ĐTXD Nhà điều hành sản xuất Công ty tại Tp. Thủ Đức: Chi phí kế hoạch thực hiện năm 2024 bao gồm các công việc: Thực hiện lập bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án trình UBND Tp. Thủ Đức phê duyệt; Lập và phê duyệt thiết kế kiến trúc; Lập và phê duyệt BCNCKT; Làm việc với các Sở ban ngành liên quan về các thỏa thuận để hoàn tất thủ tục xin cấp phép xây dựng. Công tác giải ngân thanh toán được thực hiện theo tiến độ hoàn thành của hợp đồng.
  + Thực hiện mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị phần lớn phục vụ cho công tác thực hiện dự án như các phần mềm hỗ trợ trong công tác thiết kế. Trong năm 2024 các dự án này chưa triển khai nên kế hoạch mua sắm sẽ điều chỉnh chuyển sang năm 2025, nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành

- Ông **Lạc Thái Phước**: Tổng giám đốc
  *(Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 02 năm 2024)*

+ Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Quá trình công tác:
  - Từ tháng 02/2024 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 06/2022 đến 01/2024: Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/2003 đến tháng 04/2022: Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 10/1999 đến tháng 04/2003: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 10/1989 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Thiết kế trạm, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
+ Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,07%.

- Ông **Trần Quốc Điền**: Phó Tổng giám đốc

+ Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Quá trình công tác:

  - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 06/2001 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 10/1999 đến tháng 05/2001: Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/1999 đến tháng 09/1999: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh;
  - Từ tháng 08/1996 đến tháng 03/1999: Tổ trưởng phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh;
  - Từ tháng 06/1995 đến tháng 08/1996: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ cổ phiếu TV3:

  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,67%.

- Ông **Trần Lê Minh**: Phó Tổng giám đốc

+ Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Quá trình công tác:

  - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2009: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/1991 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,07%.

- Ông **Nguyễn Công Thắng**: Phó Tổng giám đốc

+ Sinh ngày 23 tháng 03 năm 1970;
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Quá trình công tác:
  - Từ tháng 09/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 03/2006 đến tháng 08/2022: Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2003 đến tháng 03/2006: Phó Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 03/2000 đến tháng 06/2003: Kỹ sư điện phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/1997 đến tháng 02/2000: Kỹ sư điện phòng Thiết kế điện, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 09/1994 đến tháng 06/1997: Kỹ sư điện Phân xưởng cơ điện, Nhà máy Thép Thủ Đức, Công ty Thép miền Nam.
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,0004%.

- Ông **Phạm Hoàng Vinh**: Kế toán trưởng

+ Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1971;
+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Quá trình công tác:
  - Từ tháng 01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 05/2007 đến tháng 12/2018: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/2006 đến tháng 04/2007: Phó Trưởng phòng phụ trách Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 09/1999 đến tháng 04/2006: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/1995 đến tháng 09/1999: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,25%.

### 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ông Lạc Thái Phước - Quyền Tổng giám đốc được bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

### 2.3. Cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2024 là: 393 người;
- Công ty có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với gần 400 nhân sự, trong đó trên 85% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:
  - Tiến sĩ: 01 người;
  - Thạc sĩ: 32 người;
  - Đại học: 256 người;
  - Cao đẳng, Trung cấp: 49 người;
  - Công nhân kỹ thuật: 29 người;
  - Lao động phổ thông: 26 người.
- Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường… được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.
- Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 3.1. Tình hình đầu tư góp vốn

- Công ty không có các khoản đầu tư góp vốn trong năm 2024.

### 3.2. Tình hình đầu tư xây dựng

- Đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn vào ngày 23/7/2024 với Công ty cổ phần tư vấn thiết kế SAGEN Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng; Lập Phương án kiến trúc; Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình và Lập Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình.
- Đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tổng hợp (NAGECCO) ngày 19/12/2024 thực hiện Gói thầu số 2: Tư vấn thẩm tra BCNCKT ĐTXD và thẩm tra TKBVTC - Dự toán xây dựng công trình.
- Các công việc đã và đang tiến hành thực hiện như sau:

+ Đã hoàn thành công tác khảo sát địa hình, địa chất; phê duyệt hồ sơ phương án thiết kế kiến trúc.
+ Lập hồ sơ xin phép quy hoạch TMB tỷ lệ 1:500 đã trình lại UBND Tp. Thủ Đức sau góp ý.
+ Đã hoàn thành công tác thỏa thuận đấu nối: Cấp điện, cấp nước và thoát nước thải.

+ Đã nộp hồ sơ thỏa thuận đấu nối giao thông cho Sở giao thông công chính Tp.HCM xin đấu nối đường Đồng Văn Cống (phía trước) và Công ty Trung Tiến xin đấu nối đường số 65.
+ Đã nộp hồ sơ xin phê duyệt môi trường sau khi góp ý tại công văn số 5104/TVD3-BQLDA ngày 30/12/2024.
+ Hồ sơ Thiết kế cơ sở & BCNCKT: đã chuyển cho Tư vấn thẩm tra.
+ Lập hồ sơ TKKT PCCC và tập hợp hồ sơ pháp lý liên quan để trình nộp cơ quan thẩm quyền thẩm duyệt.

- Giá trị tạm ứng và nghiệm thu thanh toán theo hợp đồng tới hiện nay cho cả 2 gói thầu: 1,25 tỷ đồng.

**3.3. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng, giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 283.949 | 265.663 | -6,44% |
| Doanh thu thuần | 200.926 | 185.086 | -7,88% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 17.598 | 13.404 | -23,83% |
| Lợi nhuận khác | 117 | (373) | -418,55% |
| Lợi nhuận trước thuế | 17.715 | 13.031 | -26,44% |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.828 | 11.754 | -20,73% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 32,09% | 40,49% | 26,15% |

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán* | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 1,33 | 1,38 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | | | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn | 1,03 | 1,05 | |
| *2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,47 | 0,42 | |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | 0,90 | 0,72 | |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động* | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 4,00 | 3,48 | |
| + Vòng quay tổng tài sản: | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 0,73 | 0,67 | |
| *4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời* | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 7,38% | 6,35% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 9,92% | 7,60% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 5,22% | 4,42% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 8,76% | 7,24% | |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 9.517.303 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ, số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do.
- Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam:

+ Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: đại diện 1.857.082 cổ phần, chiếm 19,51% vốn điều lệ;

+ Ông Lạc Thái Phước: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;

+ Ông Trần Quốc Điền: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

*(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam)*

| TT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | *Tổ chức* | *Cá nhân* |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 4.642.704 | 48,78 | 01 | 01 | - |
| 2 | Cổ đông lớn | 1.810.988 | 19,03 | 02 | 01 | 01 |
| | *- Trong nước* | *1.810.988* | *19,03* | *02* | *01* | *01* |
| | *- Nước ngoài* | - | - | - | - | - |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 14 | 0,00015 | 01 | 01 | - |

| TT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | *Tổ chức* | *Cá nhân* |
| 4 | Cổ đông khác | 3.063.597 | 32,19 | 586 | 06 | 580 |
| | *- Trong nước* | *3.045.955* | *32,00* | *579* | *03* | *576* |
| | *- Nước ngoài* | *17.642* | *0,19* | *07* | *03* | *04* |
| **TỔNG CỘNG** | | **9.517.303** | **100** | **590** | **09** | **581** |
| | ***- Trong nước*** | ***9.499.661*** | ***99,81*** | ***583*** | ***06*** | ***577*** |
| | ***- Nước ngoài*** | ***17.642*** | ***0,19*** | ***07*** | ***03*** | ***04*** |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: mức 50%.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2023 không thay đổi: 95.173.030.000 đồng.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

### 6.1. Tác động lên môi trường

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện, hoạt động sinh ra phát thải khí nhà kính là không đáng kể. Khuôn viên Công ty trồng các loại cây xanh, nơi làm việc cũng khuyến khích các mảng xanh tạo nên môi trường làm việc thân thiện, trong lành.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp - gián tiếp: nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng phòng ban làm việc, từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, quy định về thời gian sử dụng máy điều hòa, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

### 6.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành, lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 là 1.077 $m^3$. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong Công ty.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt, do đó không có nước được tái sử dụng.

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt.

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ)

#### *a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với NLĐ*

- Số người lao động tính đến 31/12/2024: 393 người.
- Mức lương trung bình của NLĐ năm 2024: 15,7 triệu đồng/người/tháng.

#### *b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ*

- Công ty đã xây dựng nội quy an toàn vệ sinh lao động, quy trình PCCN với đầy đủ các nội dung quy định và được treo tại các vị trí làm việc.
- Hằng năm, Công ty định kỳ mời các đơn vị có chức năng chuyên môn đến đo đạc, giám sát điều kiện môi trường làm việc. Các thông số đo môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe làm việc lâu dài cho NLĐ.
- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng đã xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Năm 2024 Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần cho NLĐ, tỷ lệ khám đạt 99% với tổng chi phí là 498,7 triệu đồng chi phí cho công tác phòng chống dịch bệnh, công tác y tế thường xuyên là: 47 triệu đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.

*c. Hoạt động đào tạo NLĐ*

- Năm 2024 Công ty tập trung vào các khóa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời khai thác triệt để các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo e-learning.
- Tổng cộng có 58 chương trình gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn đã được triển khai thực hiện với tổng số lượt người được đào tạo là 3.013 người, chi tiết dưới đây:

| TT | Chương trình, nội dung đào tạo | Số lượt người được đào tạo | Số giờ đào tạo bq/người |
|---|---|---|---|
| 1 | Đào tạo cán bộ quản lý | 4 | 2 tuần |
| 2 | Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên | 343 | |
| 3 | Đào tạo nội bộ | 487 | |
| 4 | Đào tạo e-learning | 2.179 | |
| | **Tổng cộng** | **3.013** | |

## 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: ủng hộ chương trình đi bộ "Vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2024" do Hội chữ Thập đỏ Tp.HCM phối hợp với Đài truyền hình VN và Công ty CPPT Truyền thông Việt Nam tổ chức; ủng hộ, thực hiện các hoạt động từ thiện, vì cộng đồng với một số hoạt động lớn như tổ chức đi cấp phát nước miễn phí cho bà con ở Tiền Giang trong đợt hạn mặn tháng 6/2024, ủng hộ đồng bào các vùng chịu ảnh hưởng cơn bão Yagi (bão số 3), đồng hành cùng thanh niên công nhân khó khăn vào dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền là 65.000.000 đồng;
- Nhận nuôi dưỡng, bảo trợ 03 trẻ mồ côi sau đại dịch Covid-19 cho đến khi các em đủ 18 tuổi, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa to lớn, đã tiếp thêm động lực cho các trẻ bị mồ côi do đại dịch Covid-19 tiếp tục đến trường;
- Hưởng ứng "Tuần lễ hồng EVN" do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát động, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã phát động chương trình "Tuần lễ hồng EVN*PECC3*" vào ngày 09/12/2024 với gần 100 lượt CBCNV đã tham gia hiến máu nhân đạo.

# III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi và khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

+ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt số 262/QĐ-TTg và Quy hoạch các tỉnh năm 2024 được duyệt, dự kiến nguồn việc năm 2025 khả thi hơn.
+ Một số dự án trọng điểm ngành điện đã được tháo gỡ CTĐT như Công điện số 7177/CĐ-BCT ngày 17/9/2024 về việc tiếp tục quyết liệt triển khai, phát huy tinh thần trách nhiệm, huy động mọi nguồn lực để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án theo Quy hoạch điện VIII và kế hoạch Quy hoạch điện VIII, đảm bảo an ninh cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội.
+ Luật điện lực 61/2024/QH15 ký ngày 30/11/2024 có nhiều đổi mới, tháo gỡ nhiều khó khăn, bất cập hiện nay, sẽ thúc đẩy công tác đầu tư trong ngành điện.
+ Dự án EPC nhà máy thủy điện Nam Neun 1 đã được Chủ đầu tư tạm ứng để bắt đầu thực hiện hợp đồng.
+ Dự án Nhiệt điện Quảng Trạch 2 vừa ký hợp đồng trong ngày 15/01/2025 và Chủ đầu đang yêu cầu phải đẩy nhanh tiến độ.
+ Các cơ chế chính sách về phát triển năng lượng tái tạo dạng tự sản tự tiêu.
+ Nhu cầu điện tăng cao trong các năm gần đây.
+ Chính sách tăng cường nhập khẩu điện từ các nước lân cận như Lào,…
+ Lãnh đạo ngành điện đã quan tâm và xúc tiến làm việc với các địa phương để đẩy nhanh công tác thỏa thuận CTĐT và đã được phê duyệt CTĐT một số dự án.

*** Khó khăn:**

+ Việc sắp xếp, cơ cấu lại các Bộ ngành có thể gây ảnh hưởng làm gián đoạn công tác thỏa thuận CTĐT.
+ Cơ chế, chính sách phát triển năng lượng tái tạo chưa được triển khai đồng bộ để khai thông, thu hút các Nhà đầu tư sau khi các chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo hết hiệu lực, cơ chế đấu thầu nhà đầu tư…
+ Về thủ tục xin CTĐT cho dự án nói chung vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt các công trình phải trình lên Thủ tướng. Mặt dù đã bố trí nhân sự đeo bám thường xuyên, tuy nhiên cũng mới có 1/7 dự án có được thỏa thuận.

+ Các điều chỉnh về Luật điện lực giúp tháo gỡ nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận CTĐT, tuy nhiên lại khá trễ (30/11/2024) nên chỉ có một số CTĐT được thông qua vào cuối năm 2024.
+ Các dự án của tư nhân vẫn còn vướng nhiều về chủ trương, vốn… nên hầu hết chưa có dự án mới như NM điện gió TGS Duyên Hải, NM mặt trời TGS Duyên Hải.
+ Khó khăn từ thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng phức tạp ảnh hưởng đến kéo dài hoàn thành dự án, tốn kém nguồn nhân lực trong công tác giám sát tác giả, dẫn đến việc quyết toán dự án kéo dài.

Tuy có nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, tập thể lãnh đạo và người lao động của Công ty đã rất cố gắng, nỗ lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và tìm kiếm các hợp đồng mới mang doanh thu cho Công ty và Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 do ĐHĐCĐ đề ra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024:

ĐVT: tỷ đồng

| Nội dung | Kế hoạch | Thực hiện | Đạt |
|---|---|---|---|
| Doanh thu | 170 | 197,2 | 116,0% |
| Hợp đồng | 300 | 282,1 | 94,0% |
| Đầu tư xây dựng | 3 | 1,25 | 41,6% |
| Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị | 5 | 0,76 | 15,3% |
| Lợi nhuận | 13 | 13,03 | 100,24% |

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | Số đầu năm | Số cuối năm | Chênh lệch so với năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **A. Tài sản ngắn hạn** | 100-BCĐKT | **178.379.172.634** | **153.531.070.963** | **-13,93%** |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110-BCĐKT | 26.229.294.323 | 38.941.438.605 | 48,47% |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120-BCĐKT | 220.790.000 | 220.790.000 | 0,00% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130-BCĐKT | 111.295.846.049 | 75.993.606.777 | -31,72% |
| Trong đó: Nợ phải thu khó đòi | 137-BCĐKT | (33.123.672.302) | (32.521.353.302) | -1,82% |
| IV. Hàng tồn kho | 140-BCĐKT | 39.916.171.590 | 36.644.472.446 | -8,20% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150-BCĐKT | 717.070.672 | 1.730.763.135 | 141,37% |

| Chỉ tiêu | Mã số | Số đầu năm | Số cuối năm | Chênh lệch so với năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **B. Tài sản dài hạn** | 200-BCĐKT | **105.570.317.593** | **112.132.228.569** | **6,22%** |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210-BCĐKT | 35.648.088.819 | 44.385.393.998 | 24,51% |
| II. Tài sản cố định: | 220-BCĐKT | 15.386.676.290 | 12.589.844.510 | -18,18% |
| *Tài sản cố định hữu hình* | *221-BCĐKT* | *6.904.291.767* | *4.534.550.927* | *-34,32%* |
| *Tài sản cố định thuê tài chính* | *224-BCĐKT* | *0* | *0* | *0* |
| *Tài sản cố định vô hình* | *227-BCĐKT* | *8.482.384.523* | *8.055.293.583* | *-5,04%* |
| III. Bất động sản đầu tư | 230-BCĐKT | 0 | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240-BCĐKT | 0 | 1.371.972.000 | 0 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250-BCĐKT | 53.150.000.000 | 53.150.000.000 | 0,00% |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260-BCĐKT | 1.385.552.484 | 635.018.061 | -54,17% |
| **Tổng tài sản** | **270-BCĐKT** | **283.949.490.227** | **265.663.299.532** | **-6,44%** |
| **C. Nợ phải trả** | 300-BCĐKT | **134.520.751.240** | **110.945.577.994** | **-17,53%** |
| I. Nợ ngắn hạn | 310-BCĐKT | 134.520.751.240 | 110.945.577.994 | -17,53% |
| Trong đó : Nợ quá hạn | - | 0 | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn | 320-BCĐKT | 0 | 0 | 0 |
| **D. Nguồn vốn chủ sở hữu** | 400-BCĐKT | **149.428.738.987** | **154.717.721.538** | **3,54%** |
| I. Vốn của chủ sở hữu | 410-BCĐKT | 149.428.738.987 | 154.717.721.538 | 3,54% |
| *Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu* | *411-BCĐKT* | 95.173.030.000 | 95.173.030.000 | 0,00% |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430-BCĐKT | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng nguồn vốn** | **440-BCĐKT** | **283.949.490.227** | **265.663.299.532** | **-6,44%** |

### 2.2. Tình hình tài sản, nợ phải trả

- Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty biến động giảm 6,44% so với năm trước chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn giảm đáng kể so với năm trước do Công ty đã thu hồi công nợ tốt hơn. Nhìn chung, Công ty có dòng tiền ổn định, hiệu quả sử dụng tài sản của công ty luôn dương. Tuy nhiên, Quy hoạch điện VIII phê duyệt trễ hơn thời hạn dự kiến dẫn đến các dự án của ngành điện chậm triển khai và kéo dài nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tình hình nợ phải trả: Công ty đánh giá các khoản nợ phải trả biến động không lớn và có xu hướng giảm, nợ phải trả giảm 17,53% so với cùng kỳ, hệ số nợ phải trả thấp (< 1), Công ty chủ động cân đối nguồn lực và thanh toán phần lớn các khoản nợ phải trả.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 3.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu

Công tác tổ chức quản lý một mặt là giữ ổn định mô hình tổ chức hiện tại để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2024; mặt khác, Công ty nghiên cứu phương án làm tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại một số đơn vị để tập trung nhân lực thực hiện các dự án lớn hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh với bên ngoài, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn. Các nội dung trọng tâm trong năm:

- Quy chế quản lý nội bộ: Rà soát, ban hành lại các quy chế, quy định: Quy chế về công tác tiền lương; Quy định quản lý, đánh giá hiệu quả công việc; Quy định khoán quỹ lương và chi phí; Quy chế về công tác cán bộ; Quy định Đào tạo & phát triển nguồn nhân lực; Quy chế về công tác quản lý lao động.
- Tiếp tục hoàn thiện Đề án phát triển, tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030: Trong năm đã thực hiện sáp nhập 02 đơn vị thành một đơn vị và sắp tới sẽ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, tối ưu bộ máy.
- Sơ kết và đánh giá kết quả thực hiện 11 nhóm giải pháp chiến lược do EVN giao, qua đó đánh giá khả năng tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo của Công ty và các đơn vị.
- Thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong quản trị (phần mềm ERP - giai đoạn 2) cụ thể là chuyển đổi số các quy trình nghiệp vụ của tổ chức & nhân sự, tài chính kế toán, kế hoạch kinh doanh, quản lý chất lượng.

### 3.2. Công tác nâng cao năng lực quản trị và đào tạo nguồn nhân lực

- Trong năm 2024 Công ty đã hoàn thành xây dựng và ban hành Quy định đào tạo phát triển nguồn nhân lực với nhiều nội dung cải tiến nhằm khuyến khích, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo.
- Với mục tiêu: Nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo và quản lý; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho NLĐ, năm 2024 Công ty đã triển khai kế hoạch đào tạo kết quả sau:

+ Nâng cao năng lực quản trị: Đã thực hiện đào tạo cán bộ quản lý cấp 3 cho 04 cán bộ; đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho quản lý cấp trung cho 01 cán bộ.
+ Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho NLĐ: Đã thực hiện 19 khóa học ngắn hạn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho hơn 300 nhân sự, tập trung vào

các lĩnh vực kỹ thuật chuyên môn, hệ thống quản lý chất lượng và an toàn lao động. Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức 28 lớp đào tạo nội bộ tại các đơn vị nhằm truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm trong công tác chuyên môn.

+ Tiết kiệm chi phí: Công ty đã tập trung khai thác và triển khai các khóa học trên e-learning nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mọi lúc, mọi nơi và tối ưu chi phí trong công tác đào tạo.
+ Hoàn thành xây dựng 03 bài giảng e-learning và 02 bài microlearning.

- Về công tác nâng cao năng lực tư vấn Công ty:

+ Cấp mới/gia hạn CCHN hoạt động xây dựng: 62 người và đang triển khai làm hồ sơ dự thi cho 06 người.
+ Gia hạn CCHN hoạt động đấu thầu: 20 người.
+ Nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ ATTT; Triển khai hồ sơ xin cấp Chứng chỉ năng lực HĐXD hạng I lĩnh vực Thiết kế, thẩm tra thiết kế và lĩnh vực Giám sát xây dựng công trình phục vụ NN&PTNT (Thủy lợi, đê điều).

### 3.3. Công tác Chuyển đổi số (CĐS)

Trong năm 2024, Công ty đã tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy CĐS và thực hiện các nhiệm vụ bám sát lộ trình CĐS đến năm 2025, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như:

- Lĩnh vực phát triển con người và tổ chức:
  + Kịp thời điều chỉnh các chính sách nhằm khuyến khích CĐS, thúc đẩy văn hóa chia sẻ tri thức trong nội bộ Công ty.
  + Ban hành và áp dụng chính sách làm việc từ xa.
  + Hoàn thành xây dựng và truyền thông Bộ tiêu chí văn hóa chất lượng.
- Lĩnh vực truyền thông và dịch vụ khách hàng: Dữ liệu từ CRM đã được đồng bộ hóa với các phân hệ khác trong ERP, tạo sự kết nối liền mạch và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động vận hành.
- Lĩnh vực sản xuất: Ưu tiên thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực thực hiện BIM khối lưới điện và khối nguồn điện theo kế hoạch đã được duyệt.
- Lĩnh vực quản trị nội bộ: Công ty đã tập trung nguồn lực triển khai dự án "Phần mềm Quản trị doanh nghiệp (ERP) - giai đoạn 2", hoàn thành đúng tiến độ và theo kế hoạch được duyệt.
- Lĩnh vực dữ liệu và an toàn thông tin:
  + Hoàn thành hiệu chỉnh, nâng cấp trang Thư viện tài liệu theo kế hoạch phục vụ cho việc lưu trữ các tài liệu hồ sơ tư vấn thiết kế và các nhóm tài liệu khác của Công ty.
  + Hoàn thành theo kế hoạch đánh giá giám sát định kỳ lần 1 hệ thống an toàn thông tin theo ISO/IEC 27001:2022.

### 3.4. Công tác truyền thông, tiếp thị

- Công tác tiếp thị: do tiết kiệm chi phí nên chưa triển khai theo kế hoạch được duyệt.
- Công tác truyền thông: thường xuyên thực hiện công tác truyền thông trên các kênh với: 57 bài viết website và 32 bài trên Facebook, 7 bài trên LinkedIn, tham gia 5 hội thảo,…

### 3.5. Cải tiến hệ thống quy chế, quy trình, quy định trong công tác quản lý chất lượng

- Hệ thống Quy chế quản lý nội bộ: Công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc cải tiến và xây dựng hệ thống quy chế quản lý chất lượng. Công ty đã thực hiện hiệu quả việc triển khai và hiệu chỉnh và ban hành 15/18 quy chế quản lý nội bộ theo kế hoạch được duyệt, tuy nhiên, tiến độ hoàn thành một số quy chế còn chậm, cần tăng cường phối hợp giữa các bộ phận và đẩy mạnh công tác giám sát để đảm bảo tiến độ và chất lượng xây dựng quy chế.
- Hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018: gồm 6 giai đoạn, đã thực hiện 5/6 giai đoạn của hệ thống quản trị rủi ro.

### 3.6. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ

- Trong điều kiện đầy khó khăn về tài chính và việc làm, dòng tiền về hạn chế, Công ty đã cố gắng duy trì trả lương cho NLĐ 02 lần/tháng. Công ty đảm bảo các khoản phải đóng cho NLĐ như BHXH, BHYT và BHTN. Tiền lương bình quân của NLĐ toàn Công ty đạt 15,7 triệu đồng/người/tháng.
- Chăm sóc sức khỏe: đã triển khai công tác khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ NLĐ, phân loại sức khỏe, theo dõi và quan tâm các trường hợp NLĐ có vấn đề về sức khỏe. Công ty đã thực hiện đo lường các yếu tố vật lý của môi trường làm việc, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt… Mua bảo hiểm tai nạn 24h cho NLĐ.
- Duy trì chi tiền ăn giữa ca cho NLĐ, tổ chức căn tin để NLĐ có thể ăn trưa tại chỗ, đảm bảo vệ sinh, an toàn và tiện lợi cho NLĐ.
- Tổ chức giải chạy bộ online 450km chào mừng, kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty (13/02/1979 - 13/02/2024), được sự hưởng ứng từ NLĐ, khách hàng, đối tác,… nhiệt tình tham gia giải chạy.
- Trong năm Công đoàn Công ty đã tổ chức 01 bữa cơm Công đoàn, thể hiện sự quan tâm, đoàn kết và sẻ chia của Công đoàn với NLĐ; duy trì thăm hỏi NLĐ những dịp sinh nhật, ốm đau, thai sản, tang chế; chăm lo cho thiếu nhi là con của NLĐ nhân dịp 01/6, Tết Trung thu; đồng hành và chia sẻ với NLĐ gặp khó khăn thông qua việc tạo điều kiện NLĐ được vay Quỹ tương trợ không lãi suất.
- Công tác an toàn trong lao động sản xuất: tập huấn cho NLĐ nâng cao nhận thức phòng chống cháy nổ và kỹ năng dập tắt đám cháy.
- Cử nhân sự tham gia lớp tập huấn về bình đẳng giới do EVN tổ chức, tuyên truyền cho NLĐ hiểu về bình đẳng giới, tổ chức các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 4.1. Mục tiêu năm 2025

- Căn cứ tình hình kết quả thực hiện SXKD năm 2024 và dự báo tình hình SXKD trong thời gian tới, Công ty nhận định khả năng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:
  + Doanh thu tư vấn thiết kế: tăng 5% so với năm 2024.
  + Lợi nhuận trước thuế: tăng 7% so với năm 2024.
  + Hợp đồng: cao hơn 20% so với doanh thu năm 2025.
- Nâng cao chất lượng tư vấn: đảm bảo chính xác, tối ưu trong kinh tế - kỹ thuật.
- Tiếp tục quản lý khách hàng hiệu quả, gia tăng sự hiện diện thương hiệu EVN*PECC3*.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống an toàn thông tin, tích hợp quy trình thực hiện dịch vụ mà EVN*PECC3* cung cấp.
- Đào tạo kỹ năng cho các nguồn nhân lực nội bộ; xây dựng phát triển văn hóa đáng tin thông qua truyền thông 4 giá trị cốt lõi của Công ty.

### 4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt như sau:

- Kế hoạch doanh thu: 200 tỷ đồng.
- Kế hoạch giá trị ký hợp đồng: 240 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị:
  + ĐTXD Nhà điều hành sản xuất Công ty tại Tp. Thủ Đức: 36,4 tỷ đồng.
  + Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị: 5 tỷ đồng.
- Kế hoạch lợi nhuận: 14 tỷ đồng (trước thuế).

### 4.3. Các giải pháp thực hiện

***a. Doanh thu đạt 200 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 14 tỷ đồng (trước thuế)***

- Đối với lĩnh vực lưới điện:
  + Cần tập trung nhân lực cho công tác hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt BCNCKT các dự án đã có CTĐT: TBA 500kV Hải Phòng và đường dây đấu nối 220kV; TBA 500kV Long An và đường dây đấu nối; TBA 220kV Tam Hiệp và ĐDĐN Tam Hiệp - Dốc Sỏi, TBA 220kV Cái Bè và đấu nối.
  + Đẩy nhanh công tác thỏa thuận CTĐT các dự án thuộc cấp thẩm quyền Quyết định là UBND tỉnh/Thành phố phê duyệt CTĐT các dự án như: TBA 500kV Krông Buk; ĐD 220kV và ĐN; Trạm cắt Đa Nhim và ĐD 220kV chuyển tiếp

vào ĐD 220kV Đa Nhim - Tháp Chàm; TBA 220kV Long Khánh; TBA 220kV KCN Nhơn Trạch; TBA 500kV Dung Quất và đấu nối.

+ Phối hợp với địa phương điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất để phê duyệt CTĐT các dự án như: TBA 220kV Lạng Giang và ĐDĐN; TBA 220kV Đồng Mỏ & ĐDĐN; TBA 220kV Đức Hòa 2 và ĐN; TBA 220kV Phước Đông; TBA 220kV Hồng Ngự; TBA 110kV Hàm Thạnh và ĐD 110kV Hàm Thuận Nam - Hàm Thạnh; TBA 110kV Đức Hòa Đông và ĐN; TBA 110kV Lợi Bình Nhơn và ĐN.
+ Sẵn sàng nhân lực thực hiện CTĐT để được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các dự án như sau: ĐD 500kV Hải Phòng - Thái Bình; ĐD 220kV Thái Bình - Thanh Nghị; ĐD 220kV TBA 500kV Hải Phòng - Gia Lộc; Cải tạo ĐD 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 01 mạch thành 02 mạch; ĐD 500kV Krông Buk - Tây Ninh 1; Cải tạo Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh; ĐD 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo.

- Đối với lĩnh vực thủy điện: tập trung triển khai dự án Nhà máy thủy điện Nam Neun 1, đặc biệt phải có phê duyệt FS và BD trong năm 2025.
- Đối với lĩnh vực nhiệt điện: tập trung triển khai và có phê duyệt được FS các dự án NMNĐ LNG Ô Môn 3, Quảng Trạch 2…
- Đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo: thúc đẩy thực hiện các hợp đồng đã ký, tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư tư nhân, nước ngoài để thực hiện các dịch vụ tư vấn liên quan, nhất là các dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp được tư nhân phát triển.
- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí các đơn vị trên cơ sở sử dụng chi phí hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán khối lượng công việc đã hoàn thành và thu hồi công nợ.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án.

***b. Về triển khai tìm kiếm dự án, ký hợp đồng mới và phát triển thị trường, gia tăng thương hiệu***

- Tập trung tham dự thầu và ký kết được các hợp đồng triển khai các giai đoạn tiếp theo (TKKT, BVTC) các dự án đã thực hiện (BCNCKT) như TKKT-ĐD 220kV Tây Ninh 1 - Phước Đông; TKKT-TBA 500kV Tây Ninh 1, TBA 500KV Long An, TBA 220kV Phước Đông, TBA 220kV Hồng Ngự,…
- Tập trung cố gắng ký kết dự án Nhà máy Điện mặt trời TGS Duyên Hải với chủ đầu tư và triển khai tiếp công việc.
- Có kế hoạch và làm việc với các Tổng công ty Phát điện 1, 2, 3 các công việc liên quan đến các Nhà máy nhiệt điện, thủy điện như Nghiên cứu tổng thể chuyển đổi nhiên liệu cho các NMNĐ của GENCO, xây dựng các nhà máy ICE, đánh giá các tổ máy đang vận hành, đánh giá an toàn đập, quan trắc chuyển vị nhà máy, nâng cao hiệu suất vận hành các nhà máy điện hiện hữu.

- Nghiên cứu các dự án năng lượng tái tạo dạng tự sản tự tiêu, tìm kiếm thực hiện các hợp đồng EPC đối với lĩnh vực lưới điện.
- Các đơn vị chủ động phối hợp kết nối với phòng Kế hoạch kinh doanh để báo giá cho khách hàng để có giá chào thầu phù hợp cho từng phân khúc khách hàng, đặc biệt là khách hàng tư nhân.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing, quan hệ khách hàng để tìm kiếm công việc mới; duy trì chăm sóc khách hàng và tìm hiểu khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của Công ty; tăng cường các thông tin liên quan đến các dự án mà EVN*PECC3* tham gia trên các diễn đàn của Công ty, VHDN, Fanpage Facebook, Zalo, Linkedin,... Cần sự hỗ trợ cung cấp thông tin của các đơn vị liên quan để cập nhật tin tức được thường xuyên hơn. Ngoài ra tăng cường các hoạt động cho phép NLĐ Công ty tương tác trên nền tảng fanpage và group facebook của Công ty.

***c. Đầu tư xây dựng***

Ban quản lý dự án Nhà điều hành sản xuất dự kiến chi 36,4 tỷ đồng, trong đó:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Gói thầu số 01 và Gói thầu số 02, hoàn thành công tác chuẩn bị thực hiện dự án và xin cấp giấy phép xây dựng cho dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty tại Thành phố Thủ Đức.
- Quý 2/2025: Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.
- Quý 3/2025: Triển khai công tác khởi công xây dựng công trình.

***d. Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị***

- Tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm ERP giai đoạn 2.
- Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất theo nhu cầu thực tế.

***e. Quản lý tài chính***

- Tiếp tục quản lý, giám sát tài chính, dòng tiền của Công ty và theo dõi thực hiện hiệu quả kế hoạch chi phí đã được duyệt.
- Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.
- Xem xét thủ tục pháp lý đưa ra Trọng tài kinh tế đối với các khoản nợ quá hạn, nhất là với khách hàng tư nhân giao dịch lần đầu.

***f. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ***

- Kế hoạch rà soát và điều chỉnh quy chế quản lý nội bộ năm 2025 bao gồm: sửa đổi, hiệu chỉnh tổng cộng 20 QCQLNB, trong đó:
  + 10 QCQLNB: bổ sung các nội dung liên quan đến quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018;
  + 02 QCQLNB: ban hành mới;
  + 08 QCQLNB: hiệu chỉnh một số nội dung để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

- Việc rà soát và chỉnh sửa các quy chế sẽ được hoàn thành trong giai đoạn quý 2 - quý 3 năm 2025 và triển khai áp dụng đồng bộ và vận hành hiệu quả tại các đơn vị từ quý 4 năm 2025, thông qua các giải pháp sau:
  + Đào tạo và truyền thông đồng bộ: Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm truyền đạt cho nhân viên của đơn vị mình những điểm mới của các quy chế đã được sửa đổi khi được ban hành thông qua các buổi họp, đào tạo nội bộ…
  + Giám sát chặt chẽ quá trình áp dụng: Định kỳ hằng năm, Công ty sẽ có đợt đánh giá nội bộ chéo giữa các đơn vị với nhau và đơn vị đánh giá bên ngoài (TUV) để kiểm tra sự tuân thủ và tính đúng đắn của hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng tại mỗi đơn vị.
  + Cải tiến liên tục: Thu thập ý kiến phản hồi từ các đơn vị để thực hiện điều chỉnh, đảm bảo quy chế luôn phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.

  Với các giải pháp đồng bộ này, Công ty sẽ xây dựng được hệ thống quản lý nội bộ chặt chẽ, hiệu quả và linh hoạt, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018: sẽ tiếp tục hoàn thiện giai đoạn 6 trong kế hoạch năm 2025 với việc áp dụng và hiệu chỉnh các quy trình liên quan, đảm bảo hệ thống được vận hành hiệu quả, tích hợp rủi ro vào hoạt động sản xuất và quản lý, nhằm tăng cường khả năng phòng ngừa và ứng phó rủi ro, hỗ trợ sự phát triển bền vững của Công ty.

***g. Về phát triển nguồn nhân lực Công ty***

Các công việc trọng tâm và triển khai đồng bộ:

- Hoàn thiện Đề án phát triển, tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2025-2026, định hướng đến 2030. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo Đề án được duyệt để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn 2025-2030.
- Cập nhật Từ điển năng lực đối với các vị trí chức danh trong Công ty.
- Triển khai công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.
- Xây dựng các hướng dẫn nghiệp vụ đối với nhân viên, chỉ dẫn kỹ thuật đối với các kỹ sư dự án.
- Phát triển năng lực, số lượng của chủ nhiệm dự án, chủ trì bộ môn,…
- Triển khai kế hoạch VHDN đã được phê duyệt, trong đó đẩy mạnh các hoạt động: văn hóa lãnh đạo, truyền thông văn hóa số, văn hóa chất lượng. Ban hành và phổ biến Quy tắc ứng xử EVN*PECC3*.

***h. Công tác chuyển đổi số***

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai ERP giai đoạn 2 để quản lý, phối hợp xuyên suốt các quy trình, nghiệp vụ quản lý và sản xuất. Tích hợp các công cụ

làm việc, học tập và giao tiếp trực tuyến, nâng cao hiệu quả làm việc trên môi trường số nhằm hướng đến mục tiêu văn phòng không giấy.

- Thí điểm ứng dụng công cụ khai thác dữ liệu (BI, AI, Machine Learning) nhằm hỗ trợ phân tích, dự báo và tự động hóa các hoạt động quản trị.
- Các Phó Tổng giám đốc phụ trách tiếp tục triển khai thực hiện BIM khối lưới điện và khối nguồn điện theo kế hoạch đã được duyệt cụ thể như:
  + Nghiên cứu BIM Level 3 trong quản lý vận hành và thiết kế.
  + Mở rộng hợp tác với các đơn vị có năng lực BIM. Trong đó nghiên cứu hợp tác cùng ZWSOFT trong việc phát triển ứng dụng BIM dành riêng cho ngành điện Việt Nam và trong các dự án số hóa nhà máy và đường dây truyền tải.
- Duy trì và cải tiến hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001. Tăng cường các biện pháp bảo mật và phòng chống tấn công mạng.
- Các nhiệm vụ CĐS còn lại được báo cáo đến Ban chỉ đạo CĐS và Tổ giúp việc định kỳ theo kế hoạch được duyệt.

## 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Tại Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, kiểm toán độc lập đã đưa ra cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

"Chúng tôi không thu thập được Thư xác nhận công nợ Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước với Ban Quản lý Dự án các công trình Điện miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị lần lượt là 5,63 tỷ VND và 2,99 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ, giá trị của khoản công nợ nêu trên. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp liên quan đến các khoản mục nêu trên và các tài khoản có liên quan trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không."

- Công ty xin giải trình như sau: Các Thư xác nhận công nợ Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước đã được đơn vị kiểm toán phát hành đầy đủ và Công ty đã chủ động thông tin đến các khách hàng để thực hiện đối chiếu, xác nhận để gửi lại cho kiểm toán. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, ngoại trừ Thư xác nhận công nợ Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước của Ban Quản lý Dự án các công trình Điện miền Nam, vì lý do khách quan chưa được hoàn trả, các Thư xác nhận từ các khách hàng khác đã được hoàn trả đúng hạn. Đối với công nợ Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước với Ban Quản lý Dự án các công trình Điện miền Nam, Công ty ghi nhận theo số phát sinh công nợ thực tế, được theo dõi chi tiết cho từng công trình theo biên bản nghiệm thu, hóa đơn, chứng từ thanh toán theo quy định. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện xác nhận công nợ đối với các khách hàng đầy đủ trong BCTC được soát xét 2025 sắp tới.

### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề NLĐ: Công ty tổ chức lấy ý kiến các vấn đề liên quan đến NLĐ tuân thủ theo Luật định, hàng năm Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức Hội nghị Người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của NLĐ. Công ty luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, phúc lợi nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024 là năm thứ 17 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 hoạt động với mô hình công ty cổ phần có những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

+ Năm 2024 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2023, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể NLĐ trong Công ty.

+ Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết, đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành các dự án.

- Khó khăn:

+ Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc dãn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong Công ty.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và môi trường kinh doanh, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên trong việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng năm 2024 của Công ty.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của các kết quả trong năm 2024.

- Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án, điều phối nguồn lực hiệu quả nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho NLĐ.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Kế hoạch công tác: Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính, với các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2025.

- Các hoạt động khác: giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

- Biện pháp thực hiện:

+ Duy trì các hoạt động của Hội đồng quản trị và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
+ Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành, tối ưu hiệu quả hoạt động, tìm kiếm thêm việc làm cho Công ty bằng cách ban hành kịp thời các chiến lược phát triển, sắp xếp tinh gọn, đồng bộ các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty.
+ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

# V. Quản trị Công ty

## 1. Hội đồng quản trị

### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông **Nguyễn Như Hoàng Tuấn**: Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1973;
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
  - Đại diện phần vốn của EVN: 19,51%;
  - Sở hữu: 0,05%.

- Ông **Lạc Thái Phước**: Thành viên Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,07%.

- Ông **Trần Quốc Điền**: Thành viên Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,67%.

- Ông **Trần Lê Minh**: Thành viên Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Các chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,07%.

- Ông **Võ Văn Phương**: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày 18 tháng 09 năm 1982;
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô, Tư vấn đầu tư tài chính;
+ Quốc tịch: Việt Nam;
+ Các chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Giám đốc kinh doanh - Giám đốc Tư vấn đầu tư, Công ty Chứng khoán VPS;
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0%.

- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ Điện thoại: 0963 911 865
+ Email: longnv@pecc3.com.vn

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. ***Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc***: Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng giám đốc chủ trì với sự tham dự của các Trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

b. ***Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên HĐQT***

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | 19/19 | 100% | |
| 2 | Ông Lạc Thái Phước | 19/19 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Quốc Điền | 19/19 | 100% | |
| 4 | Ông Trần Lê Minh | 19/19 | 100% | |
| 5 | Ông Võ Văn Phương | 19/19 | 100% | |

c. ***Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị***

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 12/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I) | 09/01/2024 | **Điều 1.** Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý IV năm 2023 với số lượng 16 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 22,46 tỷ đồng.<br>**Điều 2.** Thông qua danh sách dự kiến các hợp đồng Công ty sẽ ký với Người có liên quan trong quý I năm 2024 với số lượng khoảng 06 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 48,68 tỷ đồng.<br>**Điều 3.** Bổ nhiệm ông Lạc Thái Phước - Quyền Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, kể từ ngày 01/02/2024. Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm.<br>**Điều 4.** Bổ nhiệm lại ông Phạm Hoàng Vinh - Kế toán trưởng Công ty tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, kể từ ngày 01/01/2024. Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 2 | 11/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I) | 09/01/2024 | **Điều 1.** Giao cho ông Lạc Thái Phước - Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3.<br>**Điều 2.** Việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật Công ty không làm thay đổi nội dung Điều lệ của Công ty.<br>**Điều 3.** Giao Người đại diện pháp luật hiện tại của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để thực hiện việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | 100% |
| 3 | 13/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I) | 09/01/2024 | **Điều 1.** Ghi nhận kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024.<br>**Điều 2.** Thông qua đơn giá tiền lương 2024.<br>**Điều 3.** Thông qua việc sử dụng các nội dung chủ yếu trong mẫu hợp đồng tư vấn quy định tại Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT và các văn bản pháp lý có liên quan đối với các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).<br>**Điều 4.** Thông qua Kế hoạch thực hiện xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVN*PECC3* tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí dự kiến thực hiện trong năm 2024 của Ban QLDA.<br>**Điều 5.** Thông qua Kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh Quy chế quản lý nội bộ năm 2024 thuộc thẩm quyền HĐQT ban hành.<br>**Điều 6.** Thống nhất dự kiến tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào cuối tháng 4/2024 và giao cho Công ty thực hiện các công tác chuẩn bị để thực hiện kế hoạch trên. | 100% |
| 4 | 15/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I) | 09/01/2024 | **Điều 1.** Thông qua chủ trương để Người đại diện báo cáo EVN phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại ông Trần Lê Minh tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/02/2024; Giao Chủ tịch HĐQT Công ty ký quyết định bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty sau khi hoàn thiện thủ tục. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 5 | 37/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 31/01/2024 | **Điều 1.** Bổ nhiệm lại ông Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc Chi nhánh miền Trung, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh miền Trung, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. | 100% |
| 6 | 56/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 28/02/2024 | **Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ họp vào thứ Năm ngày 25/4/2024 bằng hình thức họp trực tiếp.<br>**Điều 2.** Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách Người sở hữu chứng khoán tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là thứ Năm ngày 21/3/2024. | 100% |
| 7 | 58/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 28/02/2024 | **Điều 1.** Thông qua phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của EVN*PECC3* tại Công ty CP EVN Quốc tế (EVNI).<br>**Điều 2.** Giao Công ty phối hợp với EVN*CPC* trong việc chuẩn bị các thủ tục hồ sơ cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đến khi hoàn tất việc chuyển nhượng vốn và các bên ký kết biên bản thanh lý hợp đồng ủy quyền. | 100% |
| 8 | 75/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 12/3/2024 | **Điều 1.** Tiếp tục cử ông Hồ Anh Tùng - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình và giới thiệu để ông Hồ Anh Tùng tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Phong điện Thuận Bình nhiệm kỳ 2024-2028.<br>**Điều 2.** Giao Công ty phối hợp với ông Hồ Anh Tùng chuẩn bị các thủ tục hồ sơ cần thiết theo yêu cầu để tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Phong điện Thuận Bình nhiệm kỳ 2024-2028. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 9 | 89/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 21/3/2024 | **Điều 1.** Thông qua các nội dung để Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Phong điện Thuận Bình. | 100% |
| 10 | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý II) | 04/4/2024 | **Điều 1.** Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý I năm 2024 với số lượng 10 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 5,7 tỷ đồng.<br>**Điều 2.** Thông qua danh sách dự kiến các hợp đồng Công ty sẽ ký với Người có liên quan trong quý II năm 2024 với số lượng khoảng 09 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 60,2 tỷ đồng. | 100% |
| 11 | 112/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý II) | 04/4/2024 | **Điều 1.** Ghi nhận kết quả SXKD quý I năm 2024 và triển khai kế hoạch SXKD quý II năm 2024. Hội đồng quản trị yêu cầu Công ty tập trung vào các công trình nguồn trọng điểm, theo dõi và triển khai công việc các MoU đã ký với Khách hàng.<br>**Điều 2.** Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2023.<br>**Điều 3.** Thông qua Quy chế công tác tiền lương.<br>**Điều 4.** Thông qua nội dung Hợp đồng ủy quyền giữa Hội đồng quản trị Công ty và ông Hồ Anh Tùng, Người đại diện phần vốn của EVN*PECC3* tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình về việc quản lý phần vốn của EVN*PECC3* tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình. | 100% |
| 12 | 121/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 19/4/2024 | **Điều 1.** Dời cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 từ thứ Năm ngày 25 tháng 4 năm 2024 đến thứ Năm ngày 27 tháng 6 năm 2024. Các nội dung khác về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT-TVĐ3 ngày 28 tháng 02 năm 2024 không thay đổi. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 13 | 138/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 10/5/2024 | **Điều 1.** Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông về việc từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 của bà Nguyễn Minh Hiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày thứ Năm ngày 27 tháng 6 năm 2024.<br>**Điều 2.** Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 của bà Nguyễn Minh Hiếu, thống nhất tổ chức bầu Thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.<br>**Điều 3.** Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chuẩn bị, bổ sung và tiến hành các thủ tục liên quan để thực hiện các nội dung nêu trên. | 100% |
| 14 | 144/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 15/5/2024 | **Điều 1.** Thông qua Chủ đầu tư xây dựng dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan.<br>**Điều 2.** Áp dụng hình thức BQLDA ĐTXD một dự án cho việc tổ chức QLDA ĐTXD Nhà điều hành sản xuất Công ty.<br>**Điều 3.** Chuyển BQLDA ĐTXD Trụ sở làm việc của EVN*PECC3* tại Tp. Thủ Đức, Tp.HCM thành Ban quản lý dự án Nhà điều hành sản xuất (viết tắt "Ban QLDA") trực thuộc Chủ đầu tư, sử dụng con dấu và tài khoản của Chủ đầu tư, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo ủy quyền của Chủ đầu tư. | 100% |
| 15 | 151/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 31/5/2024 | **Điều 1.** Thống nhất chủ trương thành lập Phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu phát triển trực thuộc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị là Phòng Kỹ thuật & Quản lý chất lượng và Phòng Nghiên cứu & Phát triển, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Điều 2.** Giao Tổng giám đốc ban hành quyết định thành lập Phòng Quản lý chất lượng & Nghiên cứu phát triển và chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tiếp theo của Đề án sáp nhập đơn vị tại Tờ trình số 1946/TTr-TVĐ3 ngày 24/5/2024. | |
| 16 | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III) | 26/6/2024 | **Điều 1.** Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý II năm 2024 với số lượng 16 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 56,3 tỷ đồng.<br>**Điều 2.** Thông qua danh sách dự kiến các hợp đồng Công ty sẽ ký với Người có liên quan trong quý III năm 2024 với số lượng khoảng 08 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 115,9 tỷ đồng. | 100% |
| 17 | 173/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III) | 26/6/2024 | **Điều 1.** Thông qua chương trình và các tài liệu cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành các tài liệu và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 tổ chức ngày 27/6/2024.<br>**Điều 2.** Thông qua danh sách ứng cử viên Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 01 nhân sự là bà Tô Thị Mỹ Hằng, giao Trưởng Ban Tổ chức ĐHĐCĐ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 27/6/2024.<br>**Điều 3.** Ghi nhận KQ SXKD 6 tháng đầu năm 2024 và triển khai KH SXKD năm 2024.<br>**Điều 4.** Thông qua Quy định về công bố và cung cấp thông tin. | 100% |
| 18 | 215/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 09/8/2024 | **Điều 1.** Thông qua việc hiệu chỉnh Phụ lục 1: Hệ thống khung mức tiền lương theo chức danh công việc của Quy chế về công tác tiền lương Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, mã số: QCQLNB-QC-18, lần ban hành: 02, ngày ban hành 17/4/2024.<br>**Điều 2.** Giao Chủ tịch HĐQT Công ty ký quyết định ban hành và giao Tổng giám đốc thực hiện thủ tục đăng ký Phụ lục 1 sau hiệu chỉnh để áp dụng từ ngày 01/7/2024. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 19 | 225/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 09/9/2024 | **Điều 1.** Thống nhất nội dung Dự thảo Báo cáo thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá trị cổ phần Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung (mã chứng khoán: CHP) tại thời điểm ngày 31/12/2023 do Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc Tế thực hiện với giá trị thẩm định là: 162.614 đồng/cổ phần.<br>Giao cho Công ty tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của Pháp luật để thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung. | 100% |
| 20 | 226/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 09/9/2024 | **Điều 1.** Thông qua Quy chế về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 - mã số QCQLNB-QC-16, lần ban hành: 02, và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký quyết định ban hành.<br>**Điều 2.** Thông qua nội dung hiệu chỉnh khoản 2 Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc các Chi nhánh của Quy chế phân cấp quản lý trong Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 - mã số QCQLNB-QC-06, lần ban hành: 02, ngày ban hành 21/7/2023 và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký quyết định ban hành. | 100% |
| 21 | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV) | 03/10/2024 | **Điều 1.** Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý III năm 2024 với số lượng 06 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 4,7 tỷ đồng.<br>**Điều 2.** Thông qua chủ trương Công ty sẽ ký các hợp đồng với Người có liên quan trong quý IV năm 2024 với số lượng khoảng 06 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 102,1 tỷ đồng. | 100% |
| 22 | 235/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV) | 03/10/2024 | **Điều 1.** Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với các nội dung cụ thể như sau:<br>1. Ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức: ngày 08 tháng 11 năm 2024<br>2. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 5% (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng) | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| | | | 3. Thời gian thực hiện chi trả: từ ngày 16 tháng 12 năm 2024<br>4. Địa điểm chi trả:<br>a. Đối với chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các thành viên lưu ký, nơi mở tài khoản lưu ký;<br>b. Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3. | |
| 23 | 236/NQ-HĐQT-TVĐ3<br>(Họp HĐQT thường kỳ quý IV) | 03/10/2024 | **Điều 1.** Ghi nhận kết quả SXKD quý III - 2024 và kế hoạch SXKD quý IV - 2024.<br>HĐQT đề nghị Ban điều hành Công ty tập trung chỉ đạo hoạt động SXKD quý IV khẩn trương, quyết liệt, nhanh chóng tháo gỡ các điểm nghẽn còn tồn tại để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2024 của ĐHĐCĐ giao.<br>**Điều 2.** Phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương năm 2024 của người lao động Công ty với số kế hoạch: 96.145.380.000 đồng.<br>**Điều 3.** Thông qua Quy chế phân cấp quản lý trong Công ty - mã số QCQLNB-QC-06, lần ban hành: 03, hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty duyệt Quy chế và ký quyết định ban hành.<br>Giao Tổng giám đốc ban hành các quy định và các văn bản khác có liên quan đồng bộ với Quy chế phân cấp quản lý trong Công ty để triển khai thực hiện. | 100% |
| 24 | 245/NQ-HĐQT-TVĐ3<br>(Họp HĐQT bất thường) | 14/10/2024 | **Điều 1.** Thống nhất kết quả thẩm định giá trị một cổ phần của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung (mã chứng khoán: CHP) là 87.284 đồng/ cổ phần làm giá khởi điểm tối thiểu chuyển nhượng và tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung. | 100% |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung chủ yếu | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 25 | 255/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 04/11/2024 | **Điều 1.** Thông qua các nội dung bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình.<br>**Điều 2.** Giao Người đại diện phần vốn của EVN*PECC3* tại TBW kiến nghị với Hội đồng quản trị TBW xem xét và điều chỉnh Điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành về nội dung ngành, nghề kinh doanh và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020. | 100% |
| 26 | 261/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 27/11/2024 | **Điều 1.** Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024:<br>- Ngày đăng ký cuối cùng: 09/12/2024;<br>- Tỷ lệ thực hiện: 1 cp - 1 quyền biểu quyết;<br>- Thời gian thực hiện: trong tháng 12/2024;<br>- Địa điểm thực hiện: Trụ sở chính Công ty.<br>**Điều 2.** Thông qua các tài liệu gửi cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản.<br>**Điều 3.** Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế quyết định điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng (nếu cần thiết), thời gian thực hiện, chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan, hoàn thiện các tài liệu (nếu có) để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. | 80% |
| 27 | 277/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường) | 19/12/2024 | **Điều 1.** Thông qua Phụ lục số 01 của Hợp đồng ủy quyền số 0336/CHP/2022/HĐ-PECC3-EVNSPC ngày 11/8/2022 về việc thực hiện các thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung giữa Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 và Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH.<br>**Điều 2.** Giao Tổng giám đốc đại diện Công ty ký kết Phụ lục số 01 của Hợp đồng ủy quyền số 0336/CHP/2022/HĐ-PECC3-EVNSPC ngày 11/8/2022 và các hồ sơ cần thiết liên quan đến công tác thoái vốn của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung. | 100% |

### 1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2024 Thành viên độc lập HĐQT đã có những hoạt động chủ yếu như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT, trong các cuộc họp thành viên độc lập HĐQT đã có nhiều ý kiến đóng góp sát thực đối với việc hoạch định các chính sách của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT đã có các buổi làm việc với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty, thể hiện đầy đủ các quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT đã có nhiều ý kiến đóng góp và biểu quyết liên quan đến việc đề bạt, bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt của Công ty, góp phần quan trọng trong công tác hoàn thiện và ổn định bộ máy điều hành chủ chốt của Công ty.

### 1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Lạc Thái Phước - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Quốc Điền - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Lê Minh - Thành viên Hội đồng quản trị.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Thị Anh Đào | Trưởng Ban Kiểm soát | - Ngày bổ nhiệm: 24/6/2022 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 0,033% |
| 2 | Nguyễn Minh Hiếu | Thành viên BKS | - Ngày bổ nhiệm: 24/6/2022<br>- Ngày miễn nhiệm: 27/6/2024 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 0% |
| 3 | Tô Thị Mỹ Hằng | Thành viên BKS | - Ngày bổ nhiệm: 27/6/2024 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 0% |
| 4 | Nguyễn Văn Thiện | Thành viên BKS | - Ngày bổ nhiệm: 24/6/2022 | Cử nhân Kế toán | 0,062% |

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kết quả hoạt động kiểm soát năm 2024:

| TT | Họ và tên | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Thị Anh Đào | 03/03 | 100% | 100% | |
| 2 | Nguyễn Minh Hiếu | 02/02 | 100% | 100% | |
| 3 | Tô Thị Mỹ Hằng | 01/01 | 100% | 100% | |
| 4 | Nguyễn Văn Thiện | 03/03 | 100% | 100% | |

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành: Năm 2024, cùng với các công tác thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính:

+ Thẩm tra BCTC năm 2023 và giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023 (Biên bản phát hành tháng 3/2024 về việc thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất năm 2023).
+ Tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên và báo cáo các hoạt động của BKS trong năm 2023 (Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024).
+ Thẩm tra BCTC 6 tháng năm 2024 (Biên bản phát hành tháng 9/2024 về việc thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất 6 tháng năm 2024).

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

+ Trong năm 2024, BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT và một số buổi họp của Ban điều hành về một số nội dung quan trọng như là Kết quả tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023, công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
+ BKS giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc thông qua các báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ; Các nghị quyết của ĐHĐCĐ; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các báo cáo tài chính định kỳ, cả năm.
+ Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu với Ban điều hành của Công ty trong công tác kiểm tra, giám sát. BKS đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cũng như của BKS.

- Hoạt động khác của BKS:

+ Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty niêm yết trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.
+ Ban kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về công tác kiểm soát theo quy định.
+ Ban kiểm soát đã tham gia tập huấn nghiệp vụ kiểm soát và quy định mới.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | - Chủ tịch HĐQT: | 429.960.000 đồng |
| Ông Lạc Thái Phước | - Thành viên HĐQT kiêm TGĐ: | 414.360.000 đồng |
| Ông Trần Quốc Điền | - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ: | 367.560.000 đồng |
| Ông Trần Lê Minh | - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ: | 367.560.000 đồng |
| Ông Võ Văn Phương | - Thành viên HĐQT: | 71.760.000 đồng |

- Ban Tổng giám đốc:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Công Thắng | - Phó Tổng giám đốc: | 564.070.640 đồng |

- Ban kiểm soát:

| | | |
|---|---|---|
| Bà Trương Thị Anh Đào | Trưởng Ban kiểm soát: | 166.793.000 đồng |
| Bà Nguyễn Minh Hiếu | Thành viên BKS: | 35.880.000 đồng |
| Bà Tô Thị Mỹ Hằng | Thành viên BKS: | 35.880.000 đồng |
| Ông Nguyễn Văn Thiện | Thành viên BKS: | 413.513.163 đồng |

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| TT | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Công ty TNHH VP INVEST | Cổ đông có CP lớn hơn 10% | 1.183.003 | 12,43 | 1.050.925 | 11,04 | Giảm tỷ lệ sở hữu |
| 2 | Bà Bùi Thị Kim Yến | Vợ TV.HĐQT, P.TGĐ Trần Quốc Điền | 222.075 | 2,33 | 780.000 | 8,20 | Tăng tỷ lệ đầu tư |

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: xem Phụ lục đính kèm.

### 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã áp dụng quản trị theo điều 137 khoản 1 mục a của Luật doanh nghiệp năm 2020: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc. Mô hình quản trị này là phù hợp với đặc thù và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

# VI. Báo cáo tài chính

## 1. Ý kiến kiểm toán

- Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem Báo cáo tài chính đính kèm.

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**XÁC NHẬN CỦA**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N:0301475102 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 ★ QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

**Lạc Thái Phước**

**Phụ lục. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ** *(bao gồm thông tin về các hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)*

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch |
| 1 | Ban QLDA các công trình điện miền Trung | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: KS, TKKT, BVTC, HSMT, CTĐT các công trình lưới điện | 2 | 37,56 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: TT BCNCKT; Đo đạc, lập HS giải thửa p/v công tác BTGPMB; TT TKKT-TDT, GSKS giai đoạn TKKT-TDT các công trình lưới điện | 3 | 1,16 |
| 2 | Ban QLDA điện 1 | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Lập HS chấp thuận CTĐT, KS, lập BCNCKT công trình điện | 1 | 4,91 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: TT BCNCKT, TT TKKT công trình lưới điện | 1 | 4,91 |
| 3 | Ban QLDA Truyền tải điện | Người có liên quan của Công ty | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: GSKS, TT BCNCKT công trình lưới điện | 1 | 1,00 |
| | | | Quý III | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 03/10/2024 | HĐTV: KS, ĐTM, TKKT, TKBVTC, HSMT công trình lưới điện | 1 | 3,34 |
| 4 | Công ty CP Thủy điện Thác Mơ | | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Đánh giá vận hành NMTĐ | 1 | 3,45 |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch |
| | | Người có liên quan của Công ty | Quý III | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 03/10/2024 | HĐTV: Xin cấp phép môi trường NM ĐTM và VP làm việc | 1 | 0,25 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: KS ĐH, ĐC, lập BCNCKT NMTĐ; Lập HSMT, đánh giá HSDT hạng mục NMTĐ | 2 | 0,36 |
| 5 | Ban QLDA Nhiệt điện 3 | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: KS, đánh giá chuyển đổi nhiên liệu NMNĐ | 1 | 3,42 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: KS, đánh giá hiện trạng, lập BCNCKT hạng mục thuộc NMTĐ | 1 | 0,29 |
| 6 | Ban QLDA các công trình điện miền Nam | Người có liên quan của Công ty | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: HS CTĐT, kiểm kê hiện trạng rừng và đất rừng các công trình lưới điện | 3 | 1,76 |
| | | | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: ĐTM, TVGS KS, Thẩm tra BVTC-DT, kiểm kê hiện trạng rừng và đất rừng các công trình lưới điện | 3 | 0,6 |
| | | | Quý III | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 03/10/2024 | PLHĐTV: CTĐT công trình lưới điện | 2 | 0,53 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: lập hồ sơ chấp thuận CTĐT công trình lưới điện | 3 | 0,74 |
| 7 | Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ | | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: KS đánh giá hiện trạng và tính toán bồi lắng NMTĐ | 1 | 0,80 |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch |
| | | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp NMTĐ | 1 | 0,37 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: Sửa chữa các hố khoan quan trắc hạng mục NMTĐ | 1 | 1,30 |
| 8 | Ban QLDA Trung tâm điện lực Ô Môn | Người có liên quan của Công ty | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: BS lập BCNCKT có TK hệ thống SCR; TK, cung cấp TBCN và TCXD DA CĐNL NMNĐ | 2 | 2,25 |
| 9 | Công ty Truyền tải điện 4 | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Rà soát, sửa đổi quy định về công tác thiết kế dự án điện | 1 | 1,82 |
| 10 | Công ty Thủy điện Ia Ly | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Thông rửa các ống Piezometer NMTĐ | 1 | 1,32 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: BC KTKT hạng mục NMTĐ | 1 | 0,19 |
| 11 | Ban QLDA điện 3 | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: TKKT, BVTC công trình điện | 1 | 1,38 |
| 12 | Ban QLDA Điện lực miền Nam | Người có liên quan của Công ty | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: KS BCNCKT, HS CTĐT, giấy phép môi trường công trình lưới điện | 3 | 0,80 |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: KS, BCNCKT, TKBVTC-DT; thủ tục cấp CTĐT công trình lưới điện | 2 | 0,48 |
| 13 | Tổng Công ty Phát điện 3 | Người có liên quan của Công ty | Quý III | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 03/10/2024 | HĐTV: BC KTKT NM ĐMT | 1 | 0,41 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: KS, lập HS bổ sung QH điện lực hạng mục ĐTM nổi hồ NMTĐ | 2 | 0,83 |
| 14 | Công ty Thủy điện Trị An | Người có liên quan của Công ty | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: Quan trắc chuyển dịch đứng và ngang NMTĐ | 1 | 1,24 |
| 15 | Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 | Người có liên quan của Công ty | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: đo vẽ, lập bản đồ địa chính công trình lưới điện | 1 | 1,05 |
| 16 | Công ty Truyền tải điện 4 | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: NC giải pháp vận hành an toàn trên lưới truyền tải, BVTC-DT, HSMT | 2 | 0,63 |
| 17 | Ban QLDA lưới điện miền Nam | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: Đo vẽ giải thửa, lập HS phục vụ bồi thường GPMT công trình lưới điện | 1 | 0,37 |
| | | | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: KS, TT BCNCKT công trình lưới điện | 1 | 0,22 |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT… thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nội dung | Số lượng | Tổng giá trị giao dịch |
| 18 | Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak | Người có liên quan của Công ty | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: PA TKKT, BVTC, KS NMTĐ | 1 | 0,50 |
| 19 | Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ | Người có liên quan của Công ty | Quý II | 172/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 26/6/2024 | HĐTV: BCKTKT NMNĐ | 1 | 0,43 |
| 20 | Ban QLDA các công trình điện miền Bắc | Người có liên quan của Công ty | Quý I | 111/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/4/2024 | HĐTV: GSKS công trình lưới điện | 1 | 0,32 |
| 21 | Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 | Người có liên quan của Công ty | Quý IV | 08/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 20/01/2025 | HĐTV: Quan trắc lún định kỳ NMĐMT; TT BCNCKT NĐHSX NMNĐ | 2 | 0,17 |
| 22 | Công ty CP NĐ Bà Rịa | Người có liên quan của Công ty | Quý III | 234/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 03/10/2024 | HĐTV: Đánh giá và lập BC thay đổi TMĐT DA NMTĐ | 1 | 0,16 |
| | **Tổng cộng** | | | | | **55** | **81,31** |

Ghi chú: Các hợp đồng trên được ký theo mẫu hợp đồng dịch vụ tư vấn, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Tháng 3 năm 2025**

# MỤC LỤC


| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP | 9 - 34 |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| | |
|---|---|
| Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Chủ tịch |
| Ông Lạc Thái Phước | Thành viên |
| Ông Trần Quốc Điền | Thành viên |
| Ông Trần Lê Minh | Thành viên |
| Ông Võ Văn Phương | Thành viên độc lập |

**Ban Tổng Giám đốc**

| | |
|---|---|
| Ông Lạc Thái Phước | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2024) |
| Ông Trần Quốc Điền | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Lê Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Công Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

**Ban Kiểm soát**

| | |
|---|---|
| Bà Trương Thị Anh Đào | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Nguyễn Văn Thiện | Thành viên |
| Bà Tô Thị Mỹ Hằng | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 6 năm 2024) |
| Bà Nguyễn Minh Hiếu | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 6 năm 2024) |

*Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lạc Thái Phước - Tổng Giám đốc.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N:0301475102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

**Lạc Thái Phước**
**Tổng Giám đốc**
*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

*Số: 042/VACO/BCKiT.NV2*

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp").

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Chúng tôi không thu thập được Thư xác nhận công nợ Phải thu khách hàng và Người mua trả tiền trước với Ban Quản lý Dự án các công trình Điện miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị lần lượt là 5,63 tỷ VND và 2,99 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ, giá trị của khoản công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp liên quan đến các khoản mục nêu trên và các tài khoản có liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không.



**Văn Phòng Hồ Chí Minh**
*Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ*
*P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh*
*Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616*

**Văn Phòng Đồng Nai**
*Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng*
*TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai*
*Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560*

**Văn Phòng Bình Dương**
*Số 12 đường số 5, tổ 19*
*Khu 3, P. Chánh Nghĩa*
*TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương*

***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 35, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0102546856 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Nguyễn Đức Tiến**
**Phó Tổng Giám đốc**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
***Thay mặt và đại diện cho***
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
*Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

**Nguyễn Thị Thu Hiền**
**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị: VND*

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **153.531.070.963** | **178.379.172.634** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **4** | **38.941.438.605** | **26.229.294.323** |
| 1. Tiền | 111 | | 38.941.438.605 | 16.229.294.323 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 10.000.000.000 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **5** | **220.790.000** | **220.790.000** |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 220.790.000 | 220.790.000 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **75.993.606.777** | **111.295.846.049** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 93.246.108.463 | 134.506.140.070 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 5.997.404.000 | 6.087.423.480 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 9.271.447.616 | 3.825.954.801 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (32.521.353.302) | (33.123.672.302) |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **10** | **36.644.472.446** | **39.916.171.590** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 36.644.472.446 | 39.916.171.590 |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **1.730.763.135** | **717.070.672** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 1.034.230.882 | 717.070.672 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 679.086.399 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 16 | 17.445.854 | - |
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **112.132.228.569** | **105.570.317.593** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **44.385.393.998** | **35.648.088.819** |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 6 | 39.784.897.118 | 35.165.088.819 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 4.600.496.880 | 483.000.000 |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **12.589.844.510** | **15.386.676.290** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 4.534.550.927 | 6.904.291.767 |
| *- Nguyên giá* | *222* | | *56.062.330.320* | *57.801.004.100* |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *223* | | *(51.527.779.393)* | *(50.896.712.333)* |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 8.055.293.583 | 8.482.384.523 |
| *- Nguyên giá* | *228* | | *21.284.885.526* | *21.284.885.526* |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *229* | | *(13.229.591.943)* | *(12.802.501.003)* |
| **III. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **1.371.972.000** | **-** |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.371.972.000 | - |
| **IV. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **5** | **53.150.000.000** | **53.150.000.000** |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 53.150.000.000 | 53.150.000.000 |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **635.018.061** | **1.385.552.484** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 635.018.061 | 1.385.552.484 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)** | **270** | | **265.663.299.532** | **283.949.490.227** |

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị: VND*

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **110.945.577.994** | **134.520.751.240** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **110.945.577.994** | **134.520.751.240** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 15.358.347.515 | 16.427.812.841 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 15 | 29.084.508.672 | 25.355.058.149 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 3.169.075.355 | 5.822.375.573 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 20.229.493.940 | 38.974.249.265 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 305.842.352 | 3.913.450.787 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 12.891.722.240 | 17.410.631.737 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 23.437.501.253 | 21.086.459.781 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 6.469.086.667 | 5.530.713.107 |
| **D - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **154.717.721.538** | **149.428.738.987** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **20** | **154.717.721.538** | **149.428.738.987** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 95.173.030.000 | 95.173.030.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *95.173.030.000* | *95.173.030.000* |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (140.000) | (140.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 35.530.000.000 | 31.082.000.000 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 24.014.831.538 | 23.173.848.987 |
| *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *421a* | | *12.261.204.487* | *8.879.507.823* |
| *- LNST chưa phân phối năm nay* | *421b* | | *11.753.627.051* | *14.294.341.164* |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)** | **440** | | **265.663.299.532** | **283.949.490.227** |

M.S.D.N:0301475102 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **Lạc Thái Phước** | **Phạm Hoàng Vinh** | **Nguyễn Trần Phương Thúy** |
| **Tổng Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người lập biểu** |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | | **185.085.686.110** | **200.933.522.638** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 7.773.897 |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)** | **10** | **23** | **185.085.686.110** | **200.925.748.741** |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 24 | 133.064.363.995 | 132.871.364.048 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)** | **20** | | **52.021.322.115** | **68.054.384.693** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 11.321.324.671 | 6.416.182.892 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 1.905.412.428 | 1.855.851.227 |
| *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *832.865.078* | *736.151.136* |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 28 | 9.665.228.337 | 12.555.986.085 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 38.367.537.246 | 42.460.505.645 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}** | **30** | | **13.404.468.775** | **17.598.224.628** |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 29 | 836.456.147 | 945.443.121 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 30 | 1.209.898.057 | 828.212.965 |
| **13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)** | **40** | | **(373.441.910)** | **117.230.156** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | **13.031.026.865** | **17.715.454.784** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 1.277.399.814 | 2.732.493.275 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | 155.297.352 |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)** | **60** | | **11.753.627.051** | **14.827.664.157** |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 1.111 | 1.379 |

M.S.D.N: 0301475102 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 ★ QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **Lạc Thái Phước** | **Phạm Hoàng Vinh** | **Nguyễn Trần Phương Thúy** |
| **Tổng Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người lập biểu** |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***13.031.026.865*** | ***17.715.454.784*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản*** | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2.920.831.780 | 2.716.800.132 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (454.446.760) | 2.802.545.868 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (401.143.558) | (45.255.399) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (10.884.982.146) | (6.267.211.008) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 832.865.078 | 736.151.136 |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***5.044.151.259*** | ***17.658.485.513*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 26.762.153.286 | 1.790.861.389 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 3.271.699.144 | (13.369.831.833) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (23.595.622.859) | 1.675.544.896 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 433.374.213 | 1.202.775.636 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (832.865.078) | (736.151.136) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.471.073.008) | (299.476.711) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (767.626.440) | (1.772.610.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***7.844.190.517*** | ***6.149.597.754*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (1.127.908.000) | (808.428.839) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 90.909.091 | - |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10.813.731.388 | 6.255.330.453 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***9.776.732.479*** | ***5.446.901.614*** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 38.432.876.221 | 37.129.662.499 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (36.081.834.749) | (37.569.687.406) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (7.202.000.725) | (2.235.471.375) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | ***(4.850.959.253)*** | ***(2.675.496.282)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)** | **50** | **12.769.963.743** | **8.921.003.086** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **26.229.294.323** | **17.305.776.510** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (57.819.461) | 2.514.727 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)** | **70** | **38.941.438.605** | **26.229.294.323** |

M.S.D.N:0301475102 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 ★ QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| **Lạc Thái Phước** | **Phạm Hoàng Vinh** | **Nguyễn Trần Phương Thúy** |
| **Tổng Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người lập biểu** |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND, chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 393 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 408 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệp mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

***Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:***

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động chính |
|---|---|---|
| Chi nhánh miền Trung | Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa | Tư vấn, khảo sát, thiết kế |
| Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện | 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | Tư vấn, khảo sát, thiết kế |

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
*c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Chi phí phần mềm:* Chi phí phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm khấu hao |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 06 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

| **Bên liên quan** | **Mối quan hệ** |
|---|---|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH VP INVEST | Cổ đông lớn |
| Bà Bùi Thị Kim Yến | Cổ đông lớn |
| Các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng | Quản lý chủ chốt |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 283.247.563 | 1.668.482.444 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 38.658.191.042 | 14.560.811.879 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 10.000.000.000 |
| *Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng* | - | *10.000.000.000* |
| **Cộng** | **38.941.438.605** | **26.229.294.323** |

## 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **a) Chứng khoán kinh doanh** | **220.790.000** | **1.798.872.300** | **-** | **220.790.000** | **1.350.488.700** | **-** |
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i) | 220.790.000 | 1.798.872.300 | - | 220.790.000 | 1.350.488.700 | - |
| **b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** | **53.150.000.000** | **6.867.000.000** | **-** | **53.150.000.000** | **7.812.000.000** | **-** |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii) | 3.150.000.000 | 6.867.000.000 | - | 3.150.000.000 | 7.812.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii) | 50.000.000.000 | (*) | - | 50.000.000.000 | (*) | - |
| **Cộng** | **53.370.790.000** | **8.665.872.300** | **-** | **53.370.790.000** | **9.162.488.700** | **-** |

Ghi chú:

(i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng Vốn điều lệ.

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị mà chưa niêm yết, hiện chưa có thông tư hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết, nên Công ty chưa có cơ sở trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***93.246.108.463*** | ***134.506.140.070*** |
| ***a1) Bên liên quan*** | ***65.782.278.496*** | ***82.258.332.693*** |
| Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2 | 19.480.106.739 | 19.457.049.128 |
| Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi | 9.184.521.171 | 4.495.485.171 |
| Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2 | 8.168.211.293 | 6.518.900.365 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 5.869.701.424 | 22.908.527.147 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 1.617.962.882 | 11.835.120.856 |
| Bên liên quan khác | 21.461.774.987 | 17.043.250.026 |
| ***a2) Đối tượng khác*** | ***27.463.829.967*** | ***52.247.807.377*** |
| Nam Neun 1 Hydropower Sole Co., Ltd | 9.387.893.403 | - |
| Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước | 9.038.527.272 | 9.538.527.272 |
| Công ty TNHH LEGO Manufacturing Việt Nam | - | 13.832.994.394 |
| Khác | 9.037.409.292 | 28.876.285.711 |
| ***b) Dài hạn*** | ***39.784.897.118*** | ***35.165.088.819*** |
| ***b1) Bên liên quan*** | ***28.175.916.269*** | ***24.388.448.711*** |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 11.794.918.214 | 9.604.728.943 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 4.019.287.139 | 4.025.016.390 |
| Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB) | 2.681.857.442 | 2.419.723.282 |
| Bên liên quan khác | 9.679.853.474 | 8.338.980.096 |
| ***b2) Đối tượng khác*** | ***11.608.980.849*** | ***10.776.640.108*** |
| Khác | 11.608.980.849 | 10.776.640.108 |
| **Cộng** | **133.031.005.581** | **169.671.228.889** |

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 | 2.100.000.000 | 2.100.000.000 | - | - |
| Công ty CP XD TM Bình Thanh | 1.286.000.000 | 1.286.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Công nghệ Trắc địa Bản Đồ 24H | 662.000.000 | 662.000.000 | - | - |
| Khác | 1.949.404.000 | 1.949.404.000 | 6.087.423.480 | 6.087.423.480 |
| **Cộng** | **5.997.404.000** | **5.997.404.000** | **6.087.423.480** | **6.087.423.480** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***9.271.447.616*** | ***3.825.954.801*** |
| Tạm ứng cho nhân viên | 7.190.635.180 | 2.949.915.857 |
| Khác | 2.080.812.436 | 876.038.944 |
| ***b) Dài hạn*** | ***4.600.496.880*** | ***483.000.000*** |
| Ký quỹ, ký cược | 4.600.496.880 | 483.000.000 |
| **Cộng** | **13.871.944.496** | **4.308.954.801** |

## 9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| ***a) Bên liên quan*** | ***21.733.804.690*** | ***871.462.248*** | ***(20.862.342.442)*** | ***20.805.739.777*** | ***1.105.569.037*** | ***(19.700.170.740)*** |
| Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2 | 19.419.132.164 | - | (19.419.132.164) | 19.392.865.364 | 696.300.025 | (18.696.565.339) |
| Bên liên quan khác | 2.314.672.526 | 871.462.248 | (1.443.210.278) | 1.412.874.413 | 409.269.012 | (1.003.605.401) |
| ***b) Các đối tượng khác*** | ***15.568.493.219*** | ***3.909.482.359*** | ***(11.659.010.860)*** | ***19.829.607.009*** | ***6.406.105.447*** | ***(13.423.501.562)*** |
| Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước | 9.038.527.272 | 1.672.058.182 | (7.366.469.090) | 9.538.527.272 | 3.729.763.636 | (5.808.763.636) |
| Khác | 6.529.965.947 | 2.237.424.177 | (4.292.541.770) | 10.291.079.737 | 2.676.341.811 | (7.614.737.926) |
| **Cộng** | **37.302.297.909** | **4.780.944.607** | **(32.521.353.302)** | **40.635.346.786** | **7.511.674.484** | **(33.123.672.302)** |

## 9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Số đầu năm** | **33.123.672.302** | **30.321.126.434** |
| Trích lập dự phòng trong năm | - | 2.802.545.868 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | 602.319.000 | - |
| **Số cuối năm** | **32.521.353.302** | **33.123.672.302** |

## 10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 99.502.944 | - | 90.598.728 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 3.738.164 | - | 1.437.617 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 36.541.231.338 | - | 39.824.135.245 | - |
| **Cộng** | **36.644.472.446** | **-** | **39.916.171.590** | **-** |

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Ngắn hạn*** | ***1.034.230.882*** | ***717.070.672*** |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 58.007.800 | 41.782.077 |
| Chi phí phần mềm | 976.223.082 | 675.288.595 |
| ***b) Dài hạn*** | ***635.018.061*** | ***1.385.552.484*** |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 600.361.496 | 1.302.231.610 |
| Chi phí phần mềm | 34.656.565 | 83.320.874 |
| **Cộng** | **1.669.248.943** | **2.102.623.156** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **13.196.031.024** | **18.209.212.091** | **17.493.444.426** | **8.902.316.559** | **57.801.004.100** |
| - Mua trong năm | - | 124.000.000 | - | - | 124.000.000 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.285.937.182) | (538.236.598) | (38.500.000) | (1.862.673.780) |
| **Số dư cuối năm** | **13.196.031.024** | **17.047.274.909** | **16.955.207.828** | **8.863.816.559** | **56.062.330.320** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **9.676.536.905** | **16.733.860.805** | **16.471.443.293** | **8.014.871.330** | **50.896.712.333** |
| - Khấu hao trong năm | 838.279.824 | 820.267.782 | 337.025.805 | 498.167.429 | 2.493.740.840 |
| - Thanh lý nhượng bán | - | (1.285.937.182) | (538.236.598) | (38.500.000) | (1.862.673.780) |
| **Số dư cuối năm** | **10.514.816.729** | **16.268.191.405** | **16.270.232.500** | **8.474.538.759** | **51.527.779.393** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **3.519.494.119** | **1.475.351.286** | **1.022.001.133** | **887.445.229** | **6.904.291.767** |
| **Tại ngày cuối năm** | **2.681.214.295** | **779.083.504** | **684.975.328** | **389.277.800** | **4.534.550.927** |

Ghi chú:

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 28.578.784.394 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.439.871.365 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | |
| **Số dư đầu năm** | **10.257.146.572** | **11.027.738.954** | **21.284.885.526** |
| **Số dư cuối năm** | **10.257.146.572** | **11.027.738.954** | **21.284.885.526** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | |
| **Số dư đầu năm** | **2.206.733.061** | **10.595.767.942** | **12.802.501.003** |
| - Khấu hao trong năm | 172.446.096 | 254.644.844 | 427.090.940 |
| **Số dư cuối năm** | **2.379.179.157** | **10.850.412.786** | **13.229.591.943** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **8.050.413.511** | **431.971.012** | **8.482.384.523** |
| **Tại ngày cuối năm** | **7.877.967.415** | **177.326.168** | **8.055.293.583** |

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.623.738.954 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.143.826.204 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.475.775.455 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.556.070.875 VND) nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 19).

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp điện Số Năm | 4.348.842.746 | 4.348.842.746 | 9.496.540.000 | 9.496.540.000 |
| Công ty CP KBC Việt Nam | 2.782.102.838 | 2.782.102.838 | - | - |
| GE Power India Limited | 2.307.255.300 | 2.307.255.300 | - | - |
| Công ty TNHH TVTK Xây dựng An Bình 68 | 1.606.367.548 | 1.606.367.548 | - | - |
| Khác | 4.313.779.083 | 4.313.779.083 | 6.931.272.841 | 6.931.272.841 |
| **Cộng** | **15.358.347.515** | **15.358.347.515** | **16.427.812.841** | **16.427.812.841** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a) Bên liên quan*** | ***20.673.008.177*** | ***21.156.250.507*** |
| Ban QLDA Điện Lực Miền Nam | 5.675.664.235 | 5.810.518.235 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 4.393.478.562 | 3.743.072.742 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 2.988.128.405 | 3.504.311.506 |
| Bên liên quan khác | 7.615.736.975 | 8.098.348.024 |
| ***b) Đối tượng khác*** | ***8.411.500.495*** | ***4.198.807.642*** |
| Khác | 8.411.500.495 | 4.198.807.642 |
| **Cộng** | **29.084.508.672** | **25.355.058.149** |

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp/ thu trong năm | Số đã nộp/ thu trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| **a) Phải thu** | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 17.412.002 | 17.412.002 |
| Các loại thuế, phí khác | - | - | 33.852 | 33.852 |
| **Cộng** | **-** | **-** | **17.445.854** | **17.445.854** |
| **b) Phải nộp** | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.076.917.086 | 4.689.627.031 | 6.443.200.795 | 2.323.343.322 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.656.540.684 | 1.277.399.814 | 2.471.073.008 | 462.867.490 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 88.917.803 | 3.241.873.885 | 2.948.185.421 | 382.606.267 |
| Các loại thuế, phí khác | - | 684.693.644 | 684.435.368 | 258.276 |
| **Cộng** | **5.822.375.573** | **9.893.594.374** | **12.546.894.592** | **3.169.075.355** |

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí công trình | 305.842.352 | 3.913.450.787 |
| **Cộng** | **305.842.352** | **3.913.450.787** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 736.342.360 | 773.209.620 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 75.732.485 | 77.917.704 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 882.846.775 | 3.326.203.000 |
| Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN | 1.173.357.826 | 4.502.711.154 |
| Chi phí công trình phải trả | 6.100.213.281 | 7.913.052.059 |
| Khác | 3.923.229.513 | 817.538.200 |
| **Cộng** | **12.891.722.240** | **17.410.631.737** |

## 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i) | 12.040.927.099 | 12.040.927.099 | 33.357.225.221 | (29.209.374.095) | 16.188.778.225 | 16.188.778.225 |
| Công đoàn Công ty (ii) | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cán bộ công nhân viên (iii) | 6.045.532.682 | 6.045.532.682 | 5.075.651.000 | (6.872.460.654) | 4.248.723.028 | 4.248.723.028 |
| **Cộng** | **21.086.459.781** | **21.086.459.781** | **38.432.876.221** | **(36.081.834.749)** | **23.437.501.253** | **23.437.501.253** |

Ghi chú:

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143.

(ii) Đây là khoản vay từ Công đoàn của Công ty. Công ty và Công đoàn đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 4 năm 2025.

(iii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| **Số đầu năm trước** | **95.173.030.000** | **(140.000)** | **25.116.000.000** | **21.759.829.330** | **142.048.719.330** |
| - Lãi trong năm | - | - | - | 14.827.664.157 | 14.827.664.157 |
| - Chia lợi nhuận | - | - | - | (4.758.644.500) | (4.758.644.500) |
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành | - | - | - | (2.689.000.000) | (2.689.000.000) |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 5.966.000.000 | (5.966.000.000) | - |
| **Số dư đầu năm nay** | **95.173.030.000** | **(140.000)** | **31.082.000.000** | **23.173.848.987** | **149.428.738.987** |
| - Lãi trong năm | - | - | - | 11.753.627.051 | 11.753.627.051 |
| - Chia lợi nhuận (i) | - | - | - | (4.758.644.500) | (4.758.644.500) |
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành (i) | - | - | - | (1.706.000.000) | (1.706.000.000) |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | 4.448.000.000 | (4.448.000.000) | - |
| **Số dư cuối năm nay** | **95.173.030.000** | **(140.000)** | **35.530.000.000** | **24.014.831.538** | **154.717.721.538** |

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2024 số 185/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 27 tháng 6 năm 2024 đã quyết định:

- Phân phối lợi nhuận năm 2023 là 4.758.644.500 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành là 1.706.000.000 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 4.448.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

| Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.517.303 | 9.517.303 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 9.517.303 | 9.517.303 |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *9.517.303* | *9.517.303* |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 14 | 14 |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *14* | *14* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.517.289 | 9.517.289 |
| *- Cổ phiếu phổ thông* | *9.517.289* | *9.517.289* |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

***Vốn điều lệ***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | VND | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 46.427.040.000 | 48,78% | 46.427.040.000 | 48,78% |
| Công ty TNHH VP INVEST | 10.509.250.000 | 11,04% | 11.830.030.000 | 12,43% |
| Bà Bùi Thị Kim Yến | 7.800.000.000 | 8,20% | 4.220.000.000 | 4,43% |
| Cổ đông khác | 30.436.600.000 | 31,98% | 32.695.820.000 | 34,36% |
| Cổ phiếu quỹ | 140.000 | 0,00% | 140.000 | 0,00% |
| **Tổng cộng** | **95.173.030.000** | **100,00%** | **95.173.030.000** | **100,00%** |

Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 7.202.000.725 VND (năm trước là 2.235.471.375 VND).

## 21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Đô la Mỹ (USD) | 309.615,24 | 334,87 |
| Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) | 1.242,60 | 2.009,29 |
| Kíp Lào (LAK) | 5.114.307.886,00 | - |

## 22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy, không trình bày thêm thông tin bộ phận.

## 23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế | 185.085.686.110 | 200.933.522.638 |
| **Cộng** | **185.085.686.110** | **200.933.522.638** |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | - | **7.773.897** |
| Giảm giá dịch vụ | - | 7.773.897 |
| **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **185.085.686.110** | **200.925.748.741** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan*** | ***110.547.903.754*** | ***132.158.304.258*** |
| Ban QLDA các công trình điện miền Nam | 24.768.897.494 | 33.814.407.308 |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung | 39.585.278.878 | 32.622.604.782 |
| Bên liên quan khác | 46.193.727.382 | 65.721.292.168 |

## 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế | 133.064.363.995 | 132.871.364.048 |
| **Cộng** | **133.064.363.995** | **132.871.364.048** |

## 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 909.533.911 | 704.431.103 |
| Chi phí nhân công | 81.168.551.631 | 96.498.650.148 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.920.831.780 | 2.716.800.132 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 59.874.461.064 | 42.924.608.156 |
| Chi phí khác | 32.486.400.525 | 55.617.299.126 |
| **Cộng** | **177.359.778.911** | **198.461.788.665** |

## 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 125.125.555 | 352.128.808 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 10.668.947.500 | 5.915.082.200 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 527.251.616 | 148.971.884 |
| **Cộng** | **11.321.324.671** | **6.416.182.892** |

## 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 832.865.078 | 736.151.136 |
| Chi phí bảo lãnh | 1.072.547.350 | 1.102.842.650 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | - | 16.857.441 |
| **Cộng** | **1.905.412.428** | **1.855.851.227** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm** | | |
| Chi phí nhân viên | 437.753.300 | 420.049.800 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.622.001.314 | 3.345.195.585 |
| Các khoản chi phí khác | 6.605.473.723 | 8.790.740.700 |
| **Cộng** | **9.665.228.337** | **12.555.986.085** |
| **b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm** | | |
| Chi phí nhân viên | 14.207.658.969 | 15.313.389.640 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.690.556.058 | 837.470.590 |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 454.446.760 | 2.802.545.868 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.125.233.096 | 11.563.254.873 |
| Các khoản chi phí khác | 9.889.642.363 | 11.943.844.674 |
| **Cộng** | **38.367.537.246** | **42.460.505.645** |

## 29. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 365.000.000 | 495.000.000 |
| Thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ | 114.545.455 | 5.500.000 |
| Thu nhập khác | 356.910.692 | 444.943.121 |
| **Cộng** | **836.456.147** | **945.443.121** |

## 30. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Phạt vi phạm hành chính | 499.076.194 | 420.127.896 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 656.761.126 | 230.160.624 |
| Chi phí khác | 54.060.737 | 177.924.445 |
| **Cộng** | **1.209.898.057** | **828.212.965** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Lợi nhuận kế toán trước thuế** | **13.031.026.865** | **17.715.454.784** |
| **Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế** | **1.255.706.713** | **497.454.637** |
| Thù lao HĐQT không chuyên trách | 71.760.000 | 143.520.000 |
| Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế | 497.248.314 | 353.934.637 |
| Xử lý công nợ | 641.443.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước | 45.255.399 | - |
| **Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế** | **(11.070.091.058)** | **(6.748.322.509)** |
| Lợi nhuận, cổ tức được chia | (10.668.947.500) | (5.915.082.200) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước | - | (11.498.150) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay | (401.143.558) | (45.255.399) |
| Hoàn nhập chi phí khấu hao nhanh của Nhà cửa, vật kiến trúc năm 2020 | - | (776.486.760) |
| **Thu nhập chịu thuế** | **3.216.642.520** | **11.464.586.912** |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | **643.328.504** | **2.292.917.382** |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung | 634.071.310 | 439.575.893 |
| **Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp** | **1.277.399.814** | **2.732.493.275** |

## 32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | 11.753.627.051 | 14.827.664.157 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | 1.175.362.705 | 1.706.000.000 |
| **Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **10.578.264.346** | **13.121.664.157** |
| Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 9.517.289 | 9.517.289 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.111 | 1.379 |
| Mệnh giá mỗi cổ phiếu | 10.000 | 10.000 |

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2024 số 185/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2023 với giá trị 1.706.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2023 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 1.402 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 được căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2024 số 185/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

## 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 23.437.501.253 | 21.086.459.781 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (38.941.438.605) | (26.229.294.323) |
| Nợ thuần | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | 154.717.721.538 | 149.428.738.987 |
| **Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu** | - | - |

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND |
| **Tài sản tài chính** | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 38.941.438.605 | 38.941.438.605 | 26.229.294.323 | 26.229.294.323 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 135.101.818.017 | 135.101.818.017 | 170.537.267.833 | 170.537.267.833 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 220.790.000 | 1.798.872.300 | 220.790.000 | 1.350.488.700 |
| Các khoản ký quỹ | 4.610.496.880 | 4.610.496.880 | 493.000.000 | 493.000.000 |
| **Tổng cộng** | **178.874.543.502** | **180.452.625.802** | **197.480.352.156** | **198.610.050.856** |
| **Công nợ tài chính** | | | | |
| Các khoản vay | 23.437.501.253 | 23.437.501.253 | 21.086.459.781 | 21.086.459.781 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 27.437.994.910 | 27.437.994.910 | 32.987.317.254 | 32.987.317.254 |
| Chi phí phải trả | 305.842.352 | 305.842.352 | 3.913.450.787 | 3.913.450.787 |
| **Tổng cộng** | **51.181.338.515** | **51.181.338.515** | **57.987.227.822** | **57.987.227.822** |

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm | Từ 2 - 5 năm | Trên 5 năm | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Số cuối năm** | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 38.941.438.605 | - | - | 38.941.438.605 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 95.316.920.899 | 39.784.897.118 | - | 135.101.818.017 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 220.790.000 | - | - | 220.790.000 |
| Các khoản ký quỹ | 10.000.000 | 4.600.496.880 | - | 4.610.496.880 |
| **Tổng cộng** | **134.489.149.504** | **44.385.393.998** | **-** | **178.874.543.502** |
| **Số cuối năm** | | | | |
| Các khoản vay | 23.437.501.253 | - | - | 23.437.501.253 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 27.437.994.910 | - | - | 27.437.994.910 |
| Chi phí phải trả | 305.842.352 | - | - | 305.842.352 |
| **Tổng cộng** | **51.181.338.515** | **-** | **-** | **51.181.338.515** |
| **Chênh lệch thanh khoản thuần** | **83.307.810.989** | **44.385.393.998** | **-** | **127.693.204.987** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

| | Dưới 1 năm | Từ 2 - 5 năm | Trên 5 năm | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Số đầu năm** | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 26.229.294.323 | - | - | 26.229.294.323 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 128.708.615.949 | 41.828.651.884 | - | 170.537.267.833 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 220.790.000 | - | - | 220.790.000 |
| Các khoản ký quỹ | - | 493.000.000 | - | 493.000.000 |
| **Tổng cộng** | **155.158.700.272** | **42.321.651.884** | **-** | **197.480.352.156** |
| **Số đầu năm** | | | | |
| Các khoản vay | 21.086.459.781 | - | - | 21.086.459.781 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 32.987.317.254 | - | - | 32.987.317.254 |
| Chi phí phải trả | 3.913.450.787 | - | - | 3.913.450.787 |
| **Tổng cộng** | **57.987.227.822** | **-** | **-** | **57.987.227.822** |
| **Chênh lệch thanh khoản thuần** | **97.171.472.450** | **42.321.651.884** | **-** | **139.493.124.334** |

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

***Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 6, 9, 15, 18, 20 và 23; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:***

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Chi trả cổ tức** | | |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 2.321.352.000 | 2.321.352.000 |
| **Cộng** | **2.321.352.000** | **2.321.352.000** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

***Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng trong năm:***

| | Chức vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| | | VND | VND |
| **Thu nhập của Hội đồng Quản trị** | | **1.651.200.000** | **1.691.982.200** |
| Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Chủ tịch | 429.960.000 | 443.544.600 |
| Ông Lạc Thái Phước | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc | 414.360.000 | 341.757.600 |
| Ông Trần Quốc Điền | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc | 367.560.000 | 407.460.000 |
| Ông Trần Lê Minh | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc | 367.560.000 | 427.460.000 |
| Ông Võ Văn Phương | Thành viên độc lập | 71.760.000 | 71.760.000 |
| **Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc** | | **564.070.640** | **847.966.800** |
| Ông Nguyễn Công Thắng | Phó Tổng Giám đốc | 564.070.640 | 847.966.800 |
| **Thu nhập của Ban Kiểm soát** | | **652.066.163** | **921.295.073** |
| Bà Trương Thị Anh Đào | Trưởng Ban Kiểm soát | 166.793.000 | 437.060.000 |
| Bà Nguyễn Minh Hiếu | Thành viên | 35.880.000 | 71.760.000 |
| Bà Tô Thị Mỹ Hằng | Thành viên | 35.880.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thiện | Chuyên viên | 413.513.163 | 412.475.073 |
| **Kế toán trưởng** | | **542.378.971** | **630.352.740** |
| Ông Phạm Hoàng Vinh | Kế toán trưởng | 542.378.971 | 630.352.740 |
| **Cộng** | | **3.409.715.774** | **4.091.596.813** |

## 35. NỢ TIỀM TÀNG

- Vụ tranh chấp về "Hợp đồng bảo hiểm":

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22 tháng 9 năm 2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó, Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

Tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16 tháng 12 năm 2021, trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy, PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trưng cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 35. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Thông báo số 2517/2024/QĐ-TCGĐ của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc trưng cầu Công ty Cổ phần Liên Doanh Tư Vấn và Xây Dựng-COFEC thực hiện giám định hồ sơ thiết kế có đảm bảo an toàn chịu lực hay không và xác định lỗi của đơn vị tư vấn (nếu có).

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, đơn vị giám định tư pháp là Công ty Cổ phần Liên doanh Tư vấn và Xây dựng-COFEC đã có Kết luận Giám định tư pháp số 07/2024/CV-COFEC theo yêu cầu Quyết định trưng cầu giám định số 2517/2024/QĐ-TCGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận giám định kết luận hồ sơ thiết kế hạng mục công trình của dự án đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và hồ sơ thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công kết cấu cửa hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, Công ty gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh văn bản ý kiến về Kết luận giám định, tại văn bản, Công ty tái khẳng định không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn bởi vì Kết luận giám định đã nêu rõ là hồ sơ thiết kế của Công ty đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ quy định pháp luật và hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công kết cấu cửa hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 5726/TATP-TLĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 gửi tới Bộ Công Thương về việc cung cấp thông tin và tài liệu liên quan việc bồi thường thiệt hại trong sự cố vỡ hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Bộ Công Thương ban hành Văn bản số 69/ĐL-TĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc cung cấp thông tin và tài liệu phúc đáp Văn bản số 5726/TATP-TLĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Bộ Công Thương thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình thủy điện Sông Bung 2.

- Vụ tranh chấp về "Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng":

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy, Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng đề nghị Tòa án trưng cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Trong năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 1837/2023/QĐST-DS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1745/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để công khai Đơn khởi kiện sửa đổi (lần 4) của Nguyên đơn với nội dung xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và đề nghị Tòa án trưng cầu định giá đối với các tài sản mà nguyên đơn bị thiệt hại, cụ thể: Bị đơn gồm: Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 và Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, Bộ Công Thương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

## 35. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Hiện nay, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang tiến hành các buổi triệu tập các đương sự làm việc tại tòa để sao chụp các hồ sơ, tài liệu do Nguyên đơn (Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP) nộp bổ sung và các chứng cứ do Tòa án thu thập từ Bộ Công Thương.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử đối với cả 02 vụ kiện nêu trên. Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả 02 vụ kiện nêu trên.

## 36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Công ty thuê trụ sở tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 286/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 19 tháng 12 năm 2024 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 568.500.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Chi phí thuê trụ sở làm việc được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí thuê trụ sở làm việc | 6.822.000.000 | 5.484.000.000 |
| **Cộng** | **6.822.000.000** | **5.484.000.000** |

## 37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm bao gồm 19.658.333 VND là số tiền lãi năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 882.846.775 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 3.326.203.000 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 368.064.000 VND là số tiền còn phải trả cho nhà cung cấp để mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

| | | |
|---|---|---|
| **Lạc Thái Phước** | **Phạm Hoàng Vinh** | **Nguyễn Trần Phương Thúy** |
| **Tổng Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người lập biểu** |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025*